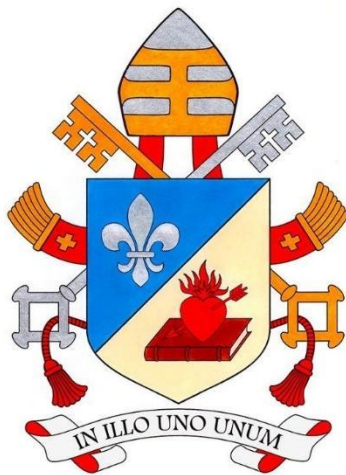


Tông huấn "Dilexi te" (Ta đã yêu con)

Tông huấn "Dilexi te" (Ta đã yêu con) là văn kiện đầu tiên của Đức Thánh Cha Lêô XIV, được công bố ngày 9/10/2025, tập trung vào tình yêu thương dành cho người nghèo. Sau đây là toàn văn Tông huấn bản dịch Việt ngữ do Thầy Giuse Phan Văn Phi, O.Cist. thực hiện.



TÔNG HUẤN

“DILEXI TE - TA ĐÃ YÊU CON”

CỦA ĐỨC GIÁO HOÀNG LÊÔ XIV

GỬI TỚI TẤT CẢ CÁC KITÔ HỮU VỀ TÌNH YÊU THƯƠNG DÀNH CHO NGƯỜI NGHÈO

Nhập đề

1. “Ta đã yêu mến người” (Kh 3,9). Chúa đã phán với một cộng đoàn Kitô hữu, không giống như những cộng đoàn khác, chẳng có địa vị hay tài sản gì, lại còn phải chịu bạo lực và khinh miệt. “Tuy người ít thế lực ... Nay Ta sẽ bắt chúng đến phủ phục dưới chân người” (Kh 3,8-9). Bản văn này gọi

nhớ đến những lời trong bài ca ngợi khen [*Magnificat*] của Đức Maria: “Chúa hạ bệ những ai quyền thế, Người nâng cao mọi kẻ khiêm nhường, kẻ đói nghèo Chúa ban của đầy dư, người giàu có lại đói về tay trắng” (Lc 1,52-53).

2. Lời tuyên bố tình yêu này, trích từ sách Khải huyền, phản ánh mẫu nhiệm vô tận mà Đức Giáo hoàng Phanxicô đã suy tư trong Thông điệp *Dilexit Nos* [*Người đã yêu thương chúng ta*], về tình yêu nhân loại và thần linh của Thánh Tâm Chúa Giêsu Kitô. Trong đó, chúng ta thấy Đức Giêsu tự đồng hóa mình “những người bé mọn nhất trong xã hội” và bằng tình yêu tự hiến đến kỳ cùng, Người xác nhận phẩm giá của mọi con người, nhất là “khi họ yếu đuối, bị khinh bỉ hoặc đau khổ.”¹ Khi chiêm ngắm tình yêu của Đức Kitô, “chúng ta cũng được thúc đẩy quan tâm hơn đến nỗi khổ và nhu cầu của tha nhân, và được củng cố trong nỗ lực tham dự vào công trình giải phóng của Người như những khí cụ để lan tỏa tình yêu của Người.”²

3. Vì thế, tiếp nối Thông điệp *Dilexit Nos*, trong những tháng cuối đời, Đức Giáo hoàng Phanxicô đã soạn một Tông huấn về việc Giáo hội chăm sóc người nghèo, đặt tựa đề *Dilexi Te*, như thể chính Đức Kitô nói với từng người nghèo câu này: “Tuy ngươi ít thế lực”, nhưng “Ta đã yêu mến ngươi” (Kh 3,9). Tôi hân hoan được lấy văn kiện này làm của mình – bổ sung một số suy tư – và công bố vào đầu triều đại Giáo hoàng của tôi, bởi tôi chia sẻ thao thức của vị tiền nhiệm khả kính, đó là mong tất cả mọi Kitô hữu đều hiểu sâu được mối liên hệ mật thiết giữa tình yêu của Chúa Kitô và lời Người mời gọi chăm sóc người nghèo. Tôi cũng coi đây là con đường thánh thiện thiết yếu, vì “trong lời mời gọi nhận ra Chúa nơi kẻ nghèo hèn và người khổ đau, trái tim của Chúa Kitô được tỏ bày, những tâm tình và

¹ Đức Phanxicô, Thông điệp *Dilexit Nos* (24.10.2024), số 170: AAS 116 (2024), 1422.

² Sđđ., số 171: AAS 116 (2024), 1422-1423.

chọn lựa thăm sâu nhất của Người, mà tất cả các vị thánh đều nỗ lực noi theo.”³

CHƯƠNG 1: MỘT VÀI LỜI THIẾT YẾU

4. Các môn đệ chỉ trích người phụ nữ đã đổ dầu thơm quý giá trên đầu Đức Giêsu. Họ nói: “Sao lại phí của như thế? Dầu đó có thể bán được nhiều tiền mà cho người nghèo.” Nhưng Chúa đáp: “Người nghèo thì lúc nào anh em cũng có với anh em; còn Thầy, thì không phải lúc nào anh em cũng có đâu” (Mt 26,8-9.11). Người phụ nữ ấy đã nhận ra nơi Đức Giêsu, một Đấng Mêsia khiêm hạ và khổ đau, Đấng mà cô có thể hiến trọn tình yêu. Dầu thơm ấy là một niềm an ủi cho cái đau của Chúa, chính cái đau ấy chỉ ít ngày sau đó sẽ chịu đội mào gai. Chắc chắn đó chỉ là một cử chỉ nhỏ bé, nhưng những ai từng trải qua đau khổ mới hiểu rằng, dù một cử chỉ yêu thương nhỏ bé có thể mang lại điều gì đó lớn lao và nhẹ nhõm đến chừng nào. Đức Giêsu hiểu điều ấy và chứng thực hiệu quả lâu dài của nó: “Tin mừng này được loan báo bất cứ nơi nào trong khắp thiên hạ, thì người ta cũng sẽ kể lại việc cô vừa làm mà nhớ tới cô” (Mt 26,13). Sự đơn sơ của cử chỉ ấy hé lộ một điều gì đó lớn lao. Không một dấu yêu thương nào, dù nhỏ nhất, lại bị lãng quên, nhất là khi dành cho những ai đang đau khổ, cô đơn hay túng thiếu, như chính Chúa trong giờ phút ấy.

5. Chính trong viễn tượng này mà tình yêu dành cho Chúa được gắn kết với tình yêu dành cho người nghèo. Đức Giêsu, Đấng đã nói: “Người nghèo thì anh em luôn có bên cạnh” (Mt 26,11), cũng chính là Đấng hứa với các môn đệ rằng: “Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28,20). Đồng thời, những lời này của Chúa hiện lên trong tâm trí: “Mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy” (Mt 25,40). Đây không chỉ là lòng tốt tự nhiên, nhưng là mặc khải. Tiếp xúc với những người hèn mọn

³ Đức Phanxicô, Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19.3.2018), số 96: AAS 110 (2018), 1137.

và bất lực là con đường nền tảng để gặp gỡ Chúa Tế lịch sử. Nơi người nghèo, Người vẫn tiếp tục phán dạy chúng ta.

Thánh Phanxicô

6. Khi giải thích việc chọn danh hiệu, Đức Giáo hoàng Phanxicô đã kể rằng sau khi được bầu chọn, một Hồng y bạn tiến lại ôm và hôn ngài, rồi nói: “Đừng quên người nghèo nhé.”⁴ Đó cũng chính là lời khẩn khoản mà các vị lãnh đạo Giáo hội đã nói với thánh Phaolô khi ngài lên Giêrusalem để xác nhận sứ vụ của mình (x. Gl 2,1-10). Nhiều năm sau, vị Tông đồ vẫn có thể xác nhận rằng “phải nhớ đến những người túng thiếu, điều mà tôi vẫn gắng làm” (Gl 2,10). Chăm sóc người nghèo cũng là mối bận tâm lớn của thánh Phanxicô Assisi: nơi một người phong cùi, chính Chúa Kitô đã ôm lấy Phanxicô và biến đổi cuộc đời thánh nhân. Đến hôm nay, thánh Phanxicô, “người Nghèo thành Assisi”, vẫn thôi thúc chúng ta bằng gương sáng phi thường.

7. Tám thế kỷ trước, thánh Phanxicô đã khơi dậy một cuộc canh tân theo Tin mừng nơi các Kitô hữu và xã hội đương thời. Giàu có và đầy tự tin, chàng trai trẻ Phanxicô đã bị choáng ngợp và được hoán cải nhờ cuộc gặp gỡ trực tiếp với những người nghèo và những người bị xã hội ruồng bỏ. Câu chuyện cuộc đời thánh nhân vẫn chinh phục trí lòng của các tín hữu và cả những người dân ngoại nữa. Câu chuyện cuộc đời đó “đã làm đổi hướng lịch sử.”⁵ Công đồng Vaticanô II đã tiến xa hơn trên cùng nẻo đường ấy, như thánh Phaolô VI nói rằng “dụ ngôn người Samari nhân hậu xưa kia đã trở thành khuôn mẫu cho linh đạo của Công đồng.”⁶ Tôi xác tín rằng chọn lựa ưu tiên cho người nghèo là nguồn mạch canh tân phi thường cho

⁴ Đức Phanxicô, *Buổi tiếp kiến với các đại diện của các phương tiện truyền thông* (16.3.2013): AAS 105 (2013), 381.

⁵ J. Bergoglio - A. Skorka, *Sobre el cielo y la Tierra*, Buenos Aires 2013, 214.

⁶ Thánh Phaolô VI, *Bài giảng trong Thánh lễ tại Phiên họp công khai cuối cùng của Công đồng chung Vaticanô II* (7.12.1965): AAS 58 (1966), 55-56.

cả Giáo hội lẫn xã hội, miễn là chúng ta biết thoát khỏi tính vị kỷ và mở tai ra trước những tiếng kêu than của họ.

Tiếng kêu của người nghèo

8. Đoạn Kinh thánh, trong đó Thiên Chúa tỏ mình cho ông Môsê trong bụi gai bốc cháy có thể luôn là điểm xuất phát: “Ta đã thấy rõ cảnh khổ cực của dân Ta bên Ai Cập, Ta đã nghe tiếng chúng kêu than vì bọn cai hành hạ. Phải, Ta biết các nỗi đau khổ của chúng. Ta xuống giải thoát chúng... Bây giờ, ngươi hãy đi! Ta sai ngươi” (Xh 3,7-8.10).⁷ Như thế, Thiên Chúa tỏ mối bận tâm đối với nhu cầu của người nghèo: “Bấy giờ con cái Israel kêu lên Đức Chúa, Đức Chúa liền cho xuất hiện một vị cứu tinh” (Tl 3,15). Khi lắng nghe tiếng kêu của người nghèo, chúng ta được mời gọi bước vào trái tim của Thiên Chúa, Đấng luôn lo cho nhu cầu con cái mình, nhất là những ai thiếu thốn nhất. Nếu chúng ta làm ngo, rất có thể người nghèo sẽ kêu lên Chúa chống lại chúng ta, và chúng ta mắc lỗi (x. Đnl 15,9), quay lưng với chính trái tim Thiên Chúa.

9. Thực trạng người nghèo là một tiếng kêu không ngừng thách đố đời sống chúng ta, xã hội, hệ thống chính trị và kinh tế, và cả Giáo hội nữa. Trên những gương mặt bị thương tích của người nghèo, chúng ta thấy nỗi khổ của những người vô tội, cũng là nỗi khổ của chính Chúa Kitô. Đồng thời, có lẽ chúng ta nên nói đến nhiều gương mặt của người nghèo và của tình trạng nghèo, vì đây là hiện tượng đa diện. Quả thật, có nhiều hình thức nghèo: nghèo vì thiếu phương tiện vật chất để sống còn, nghèo vì bị gạt bên lề xã hội nên không thể cất tiếng cho phẩm giá và khả năng của mình, nghèo luân lý và thiêng liêng, nghèo văn hóa, nghèo do yếu đuối hay mong manh về mặt cá nhân hoặc xã hội, nghèo vì không có quyền, không có chỗ đứng, không có tự do.

⁷ x. Đức Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), số 187: AAS 105 (2013), 1098.

10. Theo nghĩa này, có thể nói, việc dẫn thân đối với người nghèo và việc xóa bỏ các nguyên có tính cơ cấu và xã hội của tình trạng nghèo đã trở nên quan trọng trong các thập niên gần đây, nhưng vẫn chưa đủ. Một phần cũng vì xã hội chúng ta thường ưu tiên những tiêu chí định hướng đời sống và chính trị vốn in đậm nhiều dấu bất bình đẳng. Kết quả là, những hình thức nghèo đói cũ mà chúng ta đã nhận thức được và đang cố gắng chống lại đang bị xen lẫn bởi những hình thức nghèo mới, đôi khi tinh vi và nguy hiểm hơn. Từ bình diện này, thật đáng hoan nghênh khi Liên Hiệp Quốc đã đưa việc xóa đói giảm nghèo trở thành một trong những Mục tiêu Thiên niên kỷ của mình.

11. Việc dẫn thân cụ thể đối với người nghèo cũng phải đi cùng với một thay đổi nào trạng có thể tác động trên bình diện văn hóa. Áo tưởng về hạnh phúc bắt nguồn từ đời sống tiện nghi xô đẩy nhiều người đến một lối nhìn lệch lạc, lấy tích lũy của cải và thành công xã hội bằng mọi giá làm trung tâm, kể cả bằng cách chà đạp người khác và lợi dụng các lý tưởng xã hội hay hệ thống chính trị kinh tế bất công ưu ái kẻ mạnh. Vì thế, trong một thế giới mà người nghèo ngày càng thêm đông, thì chúng ta lại thấy một tầng lớp tinh hoa giàu có sống trong bong bóng của tiện nghi xa hoa, dường như thuộc về một thế giới khác so với người dân thường. Điều này có nghĩa là vẫn còn tồn tại một nền văn hóa – đôi khi được ngụy trang khéo léo – chối bỏ người khác mà không hề hay biết và thờ ơ chấp nhận hàng triệu người chết đói hoặc sống trong những điều kiện không phù hợp với con người. Cách đây vài năm, bức ảnh một đứa trẻ nằm bất động trên bãi biển Địa Trung Hải đã gây chấn động dư luận; tiếc thay, ngoài một số phản ứng nhất thời, những biến cố tương tự ngày càng bị xem nhẹ và bị coi là những tin tức bên lề.

12. Chúng ta không được lơ là cảnh giác khi nói đến nghèo đói. Chúng ta nên đặc biệt quan tâm đến những điều kiện nghiêm trọng mà nhiều người đang phải đối diện do thiếu lương thực và nước uống. Ngay cả ở các nước

giàu có, số lượng người nghèo ngày càng tăng cũng là một mối lo ngại không kém. Ở châu Âu, ngày càng nhiều gia đình không đủ tiền để sống qua ngày. Nhìn chung, chúng ta đang chứng kiến sự gia tăng của nhiều loại nghèo đói khác nhau, không còn là một thực tế đơn lẻ, đồng nhất mà giờ đây bao gồm nhiều hình thức lẫn cùng hóa kinh tế và xã hội, phản ánh sự lan rộng của bất bình đẳng ngay cả trong bối cảnh phần lớn là người giàu có. Chúng ta đừng quên rằng “đáng thương gấp bội là những phụ nữ phải chịu cảnh bị loại trừ, ngược đãi, bạo lực, vì họ thường ít có khả năng tự bảo vệ các quyền của mình. Tuy vậy, nơi họ, ta vẫn thường xuyên chứng kiến những tấm gương anh hùng hằng ngày trong việc bảo vệ và chở che gia đình mong manh.”⁸ Dẫu có những chuyển biến đáng kể ở vài quốc gia, “tổ chức xã hội trên toàn thế giới vẫn còn xa mới phản ánh rõ ràng rằng phụ nữ có cùng phẩm giá và quyền lợi như nam giới. Miệng ta nói một đằng, nhưng quyết định và thực tế lại nói một nẻo,”⁹ nhất là nếu nhìn vào số lượng phụ nữ thực sự sống trong cảnh bần cùng.

Những định kiến mang tính ý thức hệ

13. Nhìn xa hơn các dữ liệu – đôi khi bị “diễn giải” để thuyết phục chúng ta rằng tình trạng của người nghèo không quá nghiêm trọng – thực tế tổng quát lại rất hiển nhiên: “Một số quy tắc kinh tế đã chứng tỏ hiệu quả đối với tăng trưởng, nhưng không phải đối với phát triển con người toàn diện. Của cải tăng lên, nhưng bất bình đẳng cũng tăng theo, đến nỗi ‘những hình thức nghèo mới xuất hiện.’ Tuyên bố rằng thế giới hiện đại đã giảm nghèo đói được đưa ra bằng cách đo lường nghèo đói bằng các tiêu chuẩn từ quá khứ không tương ứng với thực tại ngày nay. Chẳng hạn, trước đây thiếu điện không bị xem là dấu chỉ nghèo hay là nguồn khổ cực. Nghèo phải luôn được hiểu và đo lường trong bối cảnh các cơ hội thực tế của từng thời

⁸ Sdd., số 212: AAS 105 (2013), 1108.

⁹ Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), số 23: AAS 112 (2020), 977.

kỳ lịch sử.”¹⁰ Vượt ra ngoài các bối cảnh riêng, một văn bản của Cộng đồng châu Âu năm 1984 đã định nghĩa: “‘Người nghèo’ là những cá nhân, gia đình, nhóm người có nguồn lực vật chất, văn hóa, xã hội quá hạn hẹp đến mức bị loại trừ khỏi mức sống tối thiểu chấp nhận được tại quốc gia thành viên nơi họ cư trú.”¹¹ Tuy nhiên, nếu chúng ta thừa nhận rằng tất cả mọi người đều có cùng phẩm giá bất kể nơi sinh, thì không thể làm ngơ trước khoảng cách mênh mông giữa các quốc gia và vùng miền.

14. Người nghèo không phải do tình cờ hay do một định mệnh mù quáng và tàn nhẫn. Đối với phần đông trong họ, cái nghèo cũng không phải do họ lựa chọn. Thế mà vẫn có người dám quả quyết như thế, bộc lộ sự mù lòa và tàn nhẫn của chính họ. Quả thật, cũng có những người nghèo do không muốn làm việc, có lẽ vì tổ tiên của họ là những người đã làm việc cả đời và đã chết trong nghèo túng. Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều người khác – cả nam lẫn nữ – làm việc từ sáng đến tối, có lẽ chỉ nhật nhạch phế liệu hoặc làm những việc tương tự, mặc dù họ biết rằng công việc khó khăn của họ chỉ giúp họ sống qua ngày, chứ khó thể cải thiện đời sống. Cũng không thể nói rằng hầu hết người nghèo là do họ không “xứng đáng” được hưởng những điều khác, như một quan niệm công trạng sai lạc chỉ nhìn thấy kẻ thành công mới là “xứng đáng”.

15. Chính các Kitô hữu cũng không ít lần bị chi phối bởi những thái độ nhuộm màu ý thức hệ thế tục hoặc những tiếp cận chính trị kinh tế dẫn đến khái quát thô thiển và kết luận sai lầm. Việc có người xem nhẹ hoặc chế giễu các hoạt động bác ái, như thế đó chỉ là nỗi ám ảnh của vài người chứ không phải là trái tim bùng cháy của sứ mạng Giáo hội, khiến tôi tin chắc rằng cần phải quay trở về để đọc lại Tin mừng, kéo chúng ta có nguy cơ thay thế Tin mừng bằng sự khôn ngoan của thế gian này. Người nghèo

¹⁰ Sđd., số 21: AAS 112 (2020), 976.

¹¹ Hội đồng Cộng đồng châu Âu, *Quyết định (85/8/EEC) về Hành động cụ thể của Cộng đồng nhằm Chống đói nghèo* (19.12.1984), Điều 1(2): Công báo của Cộng đồng châu Âu, số L 2/24.

không thể bị lãng quên, nếu chúng ta muốn duy trì dòng chảy lớn lao của đời sống Giáo hội, bắt nguồn từ Tin mừng và sinh hoa kết trái trong mọi thời mọi nơi.

CHƯƠNG 2: THIÊN CHÚA CHỌN NGƯỜI NGHÈO

Chọn lựa dành cho người nghèo

16. Thiên Chúa là tình yêu xót thương. Kế hoạch yêu thương của Người, triển nở và nên trọn trong lịch sử, trước hết là việc giáng trần và đến ở giữa chúng ta để giải thoát chúng ta khỏi ách nô lệ, sợ hãi, tội lỗi và quyền lực của sự chết. Với ánh nhìn đầy xót thương và trái tim đầy yêu mến, Thiên Chúa quay về phía các thụ tạo của mình và chăm lo tình trạng nghèo nàn của chúng. Chính để chia sẻ những giới hạn mong manh của phận người, Thiên Chúa đã trở nên nghèo và sinh ra trong xác phàm như chúng ta. Chúng ta nhận biết Người trong sự nhỏ bé của một hài nhi nằm trong máng cỏ và trong sự tự hủy đến tột cùng trên thập giá, nơi Người chia sẻ sự nghèo khó tận căn của chúng ta, tức là cái chết. Vì vậy, thật dễ hiểu tại sao chúng ta cũng có thể nói theo thần học về một lựa chọn ưu tiên của Thiên Chúa dành cho người nghèo, một biểu hiện nảy sinh trong bối cảnh lục địa Mỹ châu Latinh, đặc biệt nơi Hội nghị Puebla, và đã được hội nhập tốt trong các huấn quyền sau này.¹² “Sự ưu tiên” này không bao giờ mang nghĩa độc quyền hay kỳ thị bất cứ nhóm nào khác, điều đó không thể xảy ra nơi Thiên Chúa. Sự ưu tiên ấy nhằm nhấn mạnh hành động của Thiên Chúa, xuất phát từ lòng xót thương trước sự nghèo và yếu đuối của toàn thể nhân loại. Muốn khai mở một Vương Quốc công lý, huynh đệ, liên đới, Thiên Chúa dành chỗ đặc biệt trong trái tim cho những ai bị kỳ thị và áp bức, và Người xin chúng ta, Giáo hội của Người, đưa ra chọn lựa dứt khoát và triệt để, hướng về phía những người yếu thế nhất.

¹² x. Thánh Gioan Phaolô II, *Giáo lý* (27.10.1999): L'Osservatore Romano, 28.10.1999, 4.

17. Chính trong quan điểm này, chúng ta hiểu được biết bao trang Cựu ước trình bày Thiên Chúa là bạn hữu và Đấng giải thoát người nghèo, Đấng lắng nghe tiếng họ kêu và ra tay cứu thoát họ (x. *Tv* 34,7). Thiên Chúa, nơi nương náu của người nghèo, tố cáo qua miệng các ngôn sứ – chúng ta đặc biệt nhớ đến ngôn sứ Amos và Isaia – về những bất công đối với những người yếu đuối nhất, và kêu gọi Israel canh tân việc thờ phượng từ nội tâm, bởi vì người ta không thể cầu nguyện và dâng hy lễ trong khi đang áp bức kẻ bé mọn nghèo hèn nhất. Ngay từ đầu Kinh thánh, tình yêu của Thiên Chúa được thể hiện rõ nét qua việc Người bảo vệ những kẻ yếu đuối và nghèo khổ, đến mức có thể nói rằng Người dành một sự ưu ái đặc biệt cho họ. “Trái tim Thiên Chúa có một chỗ đặc biệt cho người nghèo... Toàn bộ lịch sử cứu độ của chúng ta được đánh dấu bởi sự hiện diện của người nghèo.”¹³

Đức Giêsu, Đấng Mêsia nghèo khó

18. Lịch sử Cựu ước về tình yêu ưu ái của Thiên Chúa dành cho người nghèo và sự sẵn sàng lắng nghe tiếng họ kêu, như tôi vừa phác họa, đạt đến viên mãn nơi Đức Giêsu Nadarét.¹⁴ Nhờ Nhập Thể, “Người đã trút bỏ vinh quang, mặc lấy thân nô lệ, trở nên giống phàm nhân” (*Pl* 2,7), và trong thân phận ấy, Người đã đem ơn cứu độ cho chúng ta. Sự nghèo khó của Người là một sự nghèo khó triệt để, bắt nguồn từ sứ mạng mặc khải trọn vẹn tình yêu của Thiên Chúa dành cho chúng ta (x. *Ga* 1,18; *1Ga* 4,9). Thánh Phaolô diễn tả ngắn gọn mà sâu sắc: “Quả thật, anh em biết Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, đã có lòng quảng đại như thế nào: Người vốn giàu sang phú quý, nhưng đã tự ý trở nên nghèo khó vì anh em, để lấy cái nghèo của mình mà làm cho anh em trở nên giàu có” (*2Cr* 8,9).

¹³ Đức Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), số 197: AAS 105 (2013), 1102.

¹⁴ x. Đức Phanxicô, *Sứ điệp Ngày Thế giới Người Nghèo lần thứ 5* (13.6.2021), số 3: AAS 113 (2021), 691: “Chúa Giêsu không chỉ ở bên cạnh người nghèo, nhưng *chia sẻ* cùng số phận với họ. Đó cũng là một giáo huấn mạnh mẽ cho các môn đệ của Người thuộc mọi thời đại.”

19. Tin mừng cho chúng ta thấy rằng sự nghèo khó đã in dấu trong mọi khía cạnh của cuộc đời Chúa Giêsu. Ngay từ khi chào đời, Người đã nếm trải kinh nghiệm cay đắng của việc bị khước từ. Thánh sử Luca kể lại, ông Giuse và bà Maria đến Bêlem, gần ngày sinh, và “hai ông bà không tìm được chỗ trong nhà trọ” (Lc 2,7). Chúa Giêsu sinh ra trong khung cảnh nghèo khó và được đặt nằm trong máng cỏ; rồi sau đó, để cứu Người khỏi bị giết, hai ông bà đã trốn sang Ai Cập (x. Mt 2,13-15). Khởi đầu sứ vụ công khai, sau khi công bố trong hội đường Nadarét rằng nơi Người đã ứng nghiệm năm hồng ân đem Tin mừng cho người nghèo, Người bị trục xuất khỏi thành (x. Lc 4,14-30). Người chết như một kẻ bị loại trừ, bị dẫn ra ngoài thành Giêrusalem để chịu đóng đinh (x. Mc 15,22). Quả thật, đó là cách diễn tả rõ nhất về sự nghèo khó của Chúa Giêsu: Người đã kinh nghiệm cùng một thân phận bị loại trừ mà người nghèo, những người bị xã hội ruồng bỏ phải gánh chịu. Chúa Giêsu là một biểu lộ của sự ưu tiên người nghèo (*privilegium pauperum*). Người tự giới thiệu mình với thế giới không chỉ như một Đấng Mêsia nghèo khó, mà còn là Đấng Mêsia của người nghèo và cho người nghèo.

20. Có vài chi tiết cho thấy thân phận xã hội của Đức Giêsu. Trước hết, Người làm thợ mộc, *téktôn* (x. Mc 6,3). Đây là những người kiếm sống bằng nghề lao động chân tay. Không có đất đai, họ bị coi là thấp kém hơn nông dân. Khi được thánh Giuse và Mẹ Maria dâng Hài nhi Giêsu vào Đền thờ, cha mẹ Người đã dâng một cặp chim gáy hoặc bồ câu non (x. Lc 2,22-24), mà theo quy định của sách Lêvi (x. Lv 12,8) thì đây là lễ vật của người nghèo. Một đoạn Tin Mừng khá quan trọng kể cho chúng ta nghe Đức Giêsu cùng các môn đệ bứt bông lúa mà ăn khi đi ngang qua cánh đồng lúa (x. Mc 2,23-28). Chỉ những người nghèo mới được phép mót lúa trên đồng. Hơn nữa, Đức Giêsu nói về chính mình: “Con chồn có hang, chim trời có tổ, nhưng Con Người không có chỗ tựa đầu” (Mt 8,20; Lc 9,58). Quả thật, Người là một vị thầy lưu động, sự nghèo khó và bấp bênh của Người là

dấu chỉ mỗi dây liên kết với Chúa Cha, và cũng là điều đòi hỏi nơi những ai muốn theo Người trên con đường làm môn đệ. Như thế, từ bỏ của cải, tiền bạc, những bảo đảm trần thế, trở thành dấu chỉ hữu hình của sự phó thác vào Thiên Chúa và sự quan phòng của Người.

21. Khởi đầu sứ vụ, Đức Giêsu vào trong hội đường Nadarét, đọc sách ngôn sứ Isaia và áp dụng vào bản thân: “Thần Khí Chúa ngự trên tôi, vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi, để tôi loan báo Tin mừng cho kẻ nghèo hèn” (Lc 4,18; x. Is 61,1). Người tự tỏ mình là Đấng làm cho tình yêu gần gũi của Thiên Chúa hiện diện ngay tại đây và bây giờ của lịch sử, và điều ấy trước hết là công trình giải thoát những ai bị giam hãm bởi sự dữ, kẻ yếu đuối và người nghèo hèn. Các dấu lạ kèm theo lời rao giảng là biểu lộ lòng xót thương của Thiên Chúa đối với bệnh nhân, người nghèo và tội nhân, những người vì thân phận mà bị xã hội, thậm chí tôn giáo, loại trừ: Người mở mắt mù, chữa phong hủi, cho kẻ chết sống lại và loan báo Tin mừng cho người nghèo; Thiên Chúa đã đến gần, Thiên Chúa yêu thương họ (x. Lc 7,22). Vì thế, Người công bố: “Phúc cho anh em là những kẻ nghèo khó, vì Nước Thiên Chúa là của anh em” (Lc 6,20). Quả thật, Thiên Chúa tỏ lòng ưu ái đối với người nghèo: Lời hy vọng và giải phóng của Chúa trước tiên được gửi đến họ. Vậy nên, dù nghèo hèn hay yếu đuối, không ai được coi mình bị bỏ rơi. Còn Giáo hội, nếu muốn là Giáo hội của Chúa Kitô, thì phải là Giáo hội của các Mối Phúc, biết dành chỗ cho kẻ bé mọn và đồng hành trong sự nghèo khó đối với người nghèo, một nơi mà người nghèo có một vị trí ưu tiên (x. Gc 2,2-4).

22. Thời ấy, người túng thiếu và bệnh tật, thiếu thốn những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, thường xuyên bị buộc phải đi ăn xin. Họ còn mang thêm gánh nặng của nỗi xấu hổ xã hội, vì người ta tin rằng bệnh tật và nghèo khó gắn liền với tội lỗi cá nhân. Đức Giêsu kiên quyết bác bỏ nỗi trạng ấy, khẳng định Thiên Chúa: “cho mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính

cũng như kẻ bất chính” (Mt 5,45). Thật vậy, Người đã hoàn toàn đảo ngược quan niệm đó, như chúng ta thấy từ đoạn kết của dụ ngôn người giàu có và Ladarô: “Con ơi, hãy nhớ lại: suốt đời con, con đã nhận phần phước của con rồi; còn Ladarô suốt một đời chịu toàn những bất hạnh. Bây giờ, Ladarô được an ủi nơi đây, còn con thì phải chịu khổ” (Lc 16,25).

23. Rõ ràng là “đức tin của chúng ta vào Chúa Kitô, Đấng đã trở nên nghèo và luôn gần gũi người nghèo cùng kẻ bị loại trừ, là nền tảng cho mỗi bận tâm của chúng ta đối với sự phát triển toàn diện của những thành phần bị lãng quên nhất trong xã hội.”¹⁵ Tôi thường tự hỏi, dù Kinh thánh dạy rất minh bạch về người nghèo, tại sao vẫn có nhiều người nghĩ rằng họ có thể yên tâm bỏ qua người nghèo. Giờ đây, ta tiếp tục suy niệm xem Kinh thánh nói gì về tương quan của ta với người nghèo và vị trí thiết yếu của họ trong Dân Chúa.

Lòng xót thương đối với người nghèo trong Kinh thánh

24. Thánh Gioan viết: “vì ai không yêu thương người anh em mà họ trông thấy, thì không thể yêu mến Thiên Chúa mà họ không trông thấy” (1Ga 4,20). Tương tự, khi trả lời câu hỏi của một kinh sư, Đức Giêsu trích lại hai điều răn xưa: “Ngươi phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, hết lòng, hết linh hồn, hết sức” (Đnl 6,5), và “Ngươi phải yêu người thân cận như chính mình” (Lv 19,18), rồi kết hiệp làm một giới răn duy nhất. Thánh Máccô thuật lại lời Người: “Điều răn đứng đầu là: Nghe đây, hỡi Israel, Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất. Ngươi phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn và hết sức lực ngươi. Điều răn thứ hai là: Ngươi phải yêu người thân cận như chính mình. Chẳng có điều răn nào khác lớn hơn các điều răn đó” (Mc 12,29-31).

¹⁵ Đức Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), số 186: AAS 105 (2013), 1098.

25. Đoạn sách Lêvi dạy yêu người thân cận, còn các bản văn khác đòi tôn trọng, thậm chí yêu thương cả kẻ thù: “Nếu gặp bò hay lừa của kẻ thù đi lạc, người phải dẫn nó về cho người ấy. Nếu thấy lừa của kẻ ghét người quy ngã vì chở nặng, người không được để mặc người ấy; người phải giúp người ấy đỡ lừa dậy” (Xh 23,4-5). Ở đây, giá trị nội tại của việc tôn trọng tha nhân được khẳng định rõ: bất cứ ai đang cần, dù là kẻ thù, cũng xứng đáng được chúng ta trợ giúp.

26. Giáo huấn của Đức Giêsu về việc yêu mến Thiên Chúa trên hết được bổ túc bằng lời nhấn mạnh rằng không thể yêu Chúa nếu không mở rộng tình yêu đến người nghèo. Tình yêu dành cho tha nhân là bằng chứng hữu hình cho tính xác thực của tình yêu ta dành cho Thiên Chúa, như thánh Gioan chứng nhận: “Thiên Chúa, chưa ai được chiêm ngưỡng bao giờ. Nếu chúng ta yêu thương nhau, thì Thiên Chúa ở lại trong chúng ta, và tình yêu của Người nơi chúng ta mới nên hoàn hảo... Thiên Chúa là tình yêu: ai ở lại trong tình yêu thì ở lại trong Thiên Chúa, và Thiên Chúa ở lại trong người ấy” (1Ga 4,12.16). Hai tình yêu ấy phân biệt nhưng bất khả tách rời. Ngay cả khi không nhắc đích danh Thiên Chúa, chính Chúa dạy rằng mọi hành động yêu thương tha nhân đều phản chiếu phần nào tình yêu Thiên Chúa: “Ta bảo thật các ngươi: mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy” (Mt 25,40).

27. Vì thế, các việc bác ái được khuyến khích như dấu chỉ cho tính chân thật của việc thờ phượng. Khi ca ngợi Thiên Chúa, phụng tự còn nhằm mở lòng ta cho cuộc biến đổi mà Thánh Thần muốn thực hiện, để tất cả chúng ta trở nên hình ảnh của Đức Kitô và lòng xót thương của Người đối với kẻ yếu thế. Theo nghĩa ấy, tương quan của ta với Chúa được biểu lộ trong phụng tự cũng giúp ta thoát khỏi nguy cơ sống tương quan theo tính toán vụ lợi, để mở ra với sự nhưng không vốn bao trùm những người biết yêu nhau, và vì thế, biết chia sẻ mọi sự. Về điều này, Đức Giêsu dạy: “Khi nào

ông đãi khách ăn trưa hay ăn tối, thì đừng mời bạn bè, anh em, hay bà con, hoặc láng giềng giàu có, kéo họ cũng mời lại ông, và như thế ông được đáp lễ rồi. Trái lại, khi ông đãi tiệc, hãy mời những người nghèo khó, tàn tật, què quặt, đui mù. Họ không có gì đáp lễ, và như thế, ông mới thật có phúc: vì ông sẽ được đáp lễ trong ngày các kẻ lành sống lại” (Lc 14,12-14).

28. Lời kêu gọi của Chúa thực thi lòng thương xót với người nghèo đạt tới đỉnh điểm trong dụ ngôn vĩ đại về ngày phán xét chung (x. Mt 25,31-46), dụ ngôn này có thể xem như bức tranh sống động về mối Phúc dành cho người có lòng xót thương. Trong dụ ngôn đó, Chúa trao cho chúng ta chìa khóa để thành toàn cuộc sống; thật vậy, “nếu chúng ta tìm kiếm sự thánh thiện làm đẹp lòng Thiên Chúa, đoạn văn này đưa ra cho chúng ta một tiêu chuẩn rõ ràng mà dựa vào đó chúng ta sẽ bị phán xét.”¹⁶ Những lời rõ ràng và mạnh mẽ của Tin mừng phải được đưa vào thực hành “mà không có bất cứ chữ ‘nếu’ hay ‘nhưng’ nào có thể làm giảm thiểu sức mạnh của chúng. Chúa chúng ta đã nói rất rõ ràng, sự thánh thiện không thể được hiểu hay sống tách khỏi những đòi hỏi ấy.”¹⁷

29. Trong cộng đoàn tín hữu sơ khai, các việc bác ái được thực hiện không dựa trên những khảo sát sơ bộ hay kế hoạch tiền khả thi, mà trực tiếp noi gương Đức Giêsu như các sách Tin mừng trình bày. Thư của thánh Giacôbê nói kỹ về vấn đề những mối liên hệ giữa người giàu và người nghèo, và đặt ra cho các tín hữu hai câu hỏi để kiểm tra tính xác thực của đức tin: “Thưa anh em, ai bảo rằng mình có đức tin mà không hành động theo đức tin, thì nào có ích lợi gì? Đức tin có thể cứu người ấy được chăng? Giả như có người anh em hay chị em không có áo che thân và không đủ của ăn hằng ngày, mà có ai trong anh em lại nói với họ: “Hãy đi bình an, mặc cho ấm và ăn cho no”, nhưng lại không cho họ những thứ thân xác họ đang

¹⁶ Đức Phanxicô, Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19.3.2018), số 95: AAS 110 (2018), 1137.

¹⁷ Sđđ., số 97: AAS 110 (2018), 1137.

cần, thì nào có ích lợi gì? Cũng vậy, đức tin không có hành động thì quả là đức tin chết” (Gc 2,14-17).

30. Thánh Giacôbê viết tiếp: “Vàng bạc của các người đã bị rỉ sét; và chính rỉ sét ấy là bằng chứng buộc tội các người; nó sẽ như lửa thiêu hủy xác thịt các người. Các người đã lo tích trữ trong những ngày sau hết này. Các người đã gian lận mà giữ lại tiền lương của những thợ đi cắt lúa trong ruộng của các người. Kìa, tiền lương ấy đang kêu lên oán trách các người, và tiếng kêu của những thợ gặt ấy đã thấu đến tai Chúa các đạo binh. Trên cõi đất này, các người đã sống xa hoa, đã buông theo khoái lạc, lòng các người đã được no đầy thỏa mãn trong ngày sát hại” (Gc 5,3-5). Đây là những lời lẽ dứt khoát biết bao, dẫu chúng ta muốn làm ngo! Trong Thư thứ nhất của thánh Gioan cũng có lời khuyến cáo tương tự: “Nếu ai có của cải thế gian và thấy anh em mình lâm cảnh túng thiếu, mà chẳng động lòng thương, thì làm sao tình yêu Thiên Chúa ở lại trong người ấy được?” (1Ga 3,17).

31. Sứ điệp của Lời Chúa “quá rõ ràng và trực tiếp, rất đơn sơ mà cũng rất hùng hồn, nên không một diễn giải nào của Giáo hội có quyền làm tương đối hóa Lời Chúa. Suy tư của Giáo hội trên các bản văn Lời Chúa không nhằm che mờ hay làm suy yếu sức mạnh của chúng, nhưng thúc bách chúng ta đón nhận các lời khuyên ấy với lòng can đảm và nhiệt tình. Tại sao lại phải phức tạp hóa một điều đơn giản như thế? Sự tồn tại của các công cụ khái niệm để giúp chúng ta chạm gần hơn đến thực tại mà chúng giải thích, chứ không phải để đưa chúng ta xa rời với thực tại ấy.”¹⁸

32. Thật vậy, chúng ta thấy một ví dụ rõ ràng trong Giáo hội về việc chia sẻ của cải và chăm sóc người nghèo trong đời sống thường nhật của cộng đoàn tín hữu đầu tiên. Chúng ta có thể đặc biệt nhớ lại cách thức giải quyết vấn đề phân phát trợ cấp hằng ngày cho các góa phụ (x. Cv 6,1-6). Đây

¹⁸ Đức Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), số 194: AAS 105 (2013), 1101.

không phải là một chuyện dễ dàng, một phần vì một số bà góa này, những người đến từ các xứ sở khác, đôi khi bị bỏ rơi, vì họ là những người ngoại kiều. Thật vậy, trình thuật Sách Công vụ Tông đồ cho thấy nổi bất bình nơi nhóm Hy Lạp, tức những người Do Thái theo văn hóa Hy Lạp. Các Tông đồ không đáp lại bằng những lời lẽ trêu tượng, mà bằng cách đặt lòng bác ái làm trọng tâm đối với tất cả mọi người, các ngài tổ chức lại việc trợ giúp cho các bà góa, bằng cách mời gọi cộng đoàn chọn những người khôn ngoan và có uy tín để ủy thác việc phân phát lương thực, trong khi các Tông đồ lo việc rao giảng Lời Chúa.

33. Khi thánh Phaolô lên Giêrusalem để tham khảo ý kiến các Tông đồ, kéo “vì sợ rằng tôi ngược xuôi, và đã ngược xuôi vô ích” (Gl 2,2), Phaolô được nhắc “phải nhớ đến những người túng thiếu” (x. Gl 2,10). Vì vậy, ngài đã tổ chức nhiều cuộc lạc quyên để trợ giúp các cộng đoàn nghèo. Trong số những lý do khiến Phaolô làm điều này, thì lý do nổi bật là: “vì ai vui vẻ dâng hiến, thì được Thiên Chúa yêu thương” (2Cr 9,7). Lời Chúa nhắc nhở những ai thường ít có khuynh hướng làm các việc thiện và vô vị lợi, rằng lòng quảng đại đối với người nghèo thực sự mang lại lợi ích cho những người thực hiện nó: Thiên Chúa có một tình yêu đặc biệt dành cho họ. Thật vậy, Kinh thánh đầy ắp những lời hứa dành cho ai biết rộng lượng sẻ chia: “Thương xót kẻ khó nghèo là cho Đức Chúa vay mượn, Người sẽ đáp trả xứng việc đã làm” (Cn 19,17). “Anh em hãy cho, thì sẽ được Thiên Chúa cho lại... Vì anh em đong bằng đấu nào, thì Thiên Chúa sẽ đong lại cho anh em bằng đấu ấy” (Lc 6,38). “Bấy giờ ánh sáng người sẽ bừng lên như rạng đông, vết thương người sẽ mau lành” (Is 58,8). Các Kitô hữu tiên khởi không hề nghi ngờ về những lời hứa ấy.

34. Đời sống của các cộng đoàn Giáo hội sơ khai, được mô tả trong các trang Kinh thánh và được trao lại cho chúng ta như Lời mặc khải, vừa là gương mẫu để noi theo, vừa là chứng từ sống động về đức tin hoạt động nhờ đức ái, và là nguồn cảm hứng bền bỉ cho các thế hệ mai sau. Qua nhiều

thế kỷ, những trang sách ấy đã lay động lòng người Kitô hữu, thúc đẩy họ yêu thương và thực hiện các công việc bác ái, giống như những hạt giống đem hoa kết trái, không ngừng sinh sôi nảy nở.

CHƯƠNG 3: MỘT GIÁO HỘI DÀNH CHO NGƯỜI NGHÈO

35. Ba ngày sau khi được bầu chọn, vị tiền nhiệm của tôi đã bày tỏ trước các đại diện truyền thông ước nguyện cho việc chăm sóc và quan tâm đến người nghèo được thể hiện rõ ràng hơn trong Giáo hội: “Tôi mong muốn biết bao một Giáo hội nghèo và vì người nghèo!”¹⁹

36. Ước nguyện đó phản ánh xác tín rằng Giáo hội “nhận ra nơi những kẻ nghèo khó và đau khổ hình ảnh Đấng Sáng Lập nghèo khó và khổ đau của mình.”²⁰ Thật vậy, vì Giáo hội được mời gọi tự đồng hóa với những người bé mọn nhất, nên nơi cốt lõi của mình “không có chỗ cho sự hoài nghi hay những lời giải thích vốn chỉ làm yếu đi một sứ điệp rõ ràng như thế...”

Chúng ta phải tuyên bố, không quanh co, rằng giữa đức tin của chúng ta và người nghèo có một mối dây liên kết bất khả phân ly.”²¹ Về phương diện này, chúng ta có vô số những chứng nhân là các môn đệ của Chúa Kitô trải dài suốt gần hai ngàn năm qua.²²

Tài sản đích thực của Giáo hội

37. Thánh Phaolô thuật lại rằng trong hàng ngũ tín hữu của cộng đoàn Kitô giáo sơ khai đâu có mấy người “khôn ngoan trước mặt người đời, đâu có mấy người quyền thế, mấy người quý phái” (1Cr 1,26). Tuy nhiên, cho dù nghèo khó, các tín hữu tiên khởi ý thức rất rõ nhu cầu chăm lo cho những người túng thiếu nhất. Ngay từ buổi bình minh của Kitô giáo, các tông đồ

¹⁹ Đức Phanxicô, *Buổi tiếp kiến với đại diện của các phương tiện truyền thông* (16.3.2013): AAS 105 (2013), 381.

²⁰ Công đồng chung Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, số 8.

²¹ Đức Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), số 48: AAS 105 (2013), 1040.

²² Trong chương này, một số chứng từ này được đưa ra. Điều này không được trình bày một cách đầy đủ, nhưng nhằm chứng minh rằng việc chăm sóc người nghèo luôn là đặc điểm của sự hiện diện của Giáo hội trên thế giới. Một suy tư sâu sắc hơn về sự quan tâm dành cho những người túng thiếu nhất có thể được tìm thấy trong cuốn sách sau: V. Paglia, *Storia della povertà*, Milan 2014.

đã đặt tay trên bảy người được chọn trong cộng đoàn. Ở một mức độ nào đó, các ngài cho họ tham dự vào tác vụ của mình, thiết lập họ để phục vụ, theo tiếng Hy Lạp là *diakonía*, dành cho những người nghèo khổ nhất (x. Cv 6,1-5). Thật ý nghĩa khi môn đệ đầu tiên làm chứng cho đức tin vào Đức Kitô đến độ đổ máu là Stêphanô, người thuộc nhóm bảy người này. Noi Stêphanô, chúng tá chăm sóc người nghèo và chúng tá tử đạo được kết hợp làm một với nhau.

38. Chưa đầy hai thế kỷ sau, một phó tế khác là thánh Laurensô sẽ bày tỏ lòng trung thành với Đức Giêsu Kitô theo cách tương tự, kết hiệp chúng tá tử đạo với việc phục vụ người nghèo.²³ Theo lời kể của thánh Ambrôsiô, Laurensô là phó tế tại Rôma, vào thời Đức Giáo hoàng Sixtô II, đã bị nhà cầm quyền Rôma buộc phải nộp các kho tàng của Giáo hội. “Ngày hôm sau, ngài dẫn theo những người nghèo. Khi bị hỏi kho tàng đã hứa ở đâu, ngài chỉ vào người nghèo và nói, ‘Đây là kho tàng của Giáo hội.’”²⁴ Khi thuật lại biến cố này, thánh Ambrôsiô đã đặt câu hỏi: “Liệu Chúa Giêsu có kho báu nào quý giá hơn những kho báu, trong đó Người thích biểu lộ mình không?”²⁵ Và ghi nhớ rằng các thừa tác viên của Giáo hội không bao giờ được lơ là việc chăm sóc người nghèo, càng không được tích trữ của cải cho lợi ích riêng, ngài nói: “Nhiệm vụ này phải được thực hiện với đức tin chân thành và sự tiên liệu khôn ngoan. Chắc chắn, nếu ai đó rút lợi ích cá nhân từ việc này, người đó phạm tội; nhưng nếu người đó phân phát số tiền thu được cho người nghèo hoặc chuộc một tù nhân, người đó thực hiện một công việc thương xót.”²⁶

Các Giáo phụ và người nghèo

²³ x. Ambrose, *De officiis ministrorum* I, cap. 41, 205-206: CCSL15, Turnhout 2000, 76-77; II, cap. 28, 140-143: CCSL 15, 148-149.

²⁴ Sđd., II, cap. 28, 140: CCSL 15, 148.

²⁵ Sđd.

²⁶ Sđd., II, cap. 28, 142: CCSL 15, 148.

39. Ngay từ những thế kỷ đầu, các Giáo phụ đã nhận ra nơi người nghèo một con đường ưu tiên để đến với Thiên Chúa, một cách thể đặc biệt để gặp gỡ Người. Lòng bác ái đối với những người túng thiếu không chỉ được xem là một nhân đức luân lý, mà còn là một biểu thức cụ thể của đức tin vào Ngôi Lời Nhập Thể. Cộng đồng tín hữu, được nâng đỡ bởi sức mạnh của Chúa Thánh Thần, bắt nguồn từ việc gần gũi với người nghèo, những người mà họ coi không chỉ là một “phần phụ”, mà là một phần thiết yếu trong thân thể sống động của Chúa Kitô. Chẳng hạn, khi đang trên đường chịu tử đạo, thánh Inhaxiô Antiôkia đã khuyên nhủ cộng đoàn Smyrna đừng sao nhãng bốn phận thực hiện các việc bác ái đối với những người túng thiếu nhất, khuyên nhủ họ đừng hành động như những kẻ chống đối Thiên Chúa. “Nhưng hãy nghĩ đến những người có quan điểm khác về ân sủng của Chúa Kitô, ân sủng đã đến với chúng ta, để thấy họ chống lại ý muốn của Thiên Chúa như thế nào. Họ không lưu tâm đến tình yêu thương; không quan tâm đến các bà góa, các cô nhi, hay những người bị áp bức; không quan tâm đến những người nô lệ, hay những người tự do; những kẻ đói hay những kẻ khát.”²⁷ Thánh Pôlycáp, Giám mục Smyrna, nói rõ rằng các linh mục trong Giáo hội phải chăm lo người nghèo: “Và các trưởng lão phải có lòng trắc ẩn và thương xót tất cả mọi người, đưa những người lang thang trở về, thăm viếng tất cả những người bệnh tật, và không bỏ bê góa phụ, trẻ mồ côi hoặc người nghèo, nhưng luôn luôn ‘chu cấp những gì phù hợp trước mắt Chúa và con người’.”²⁸ Từ hai chứng từ này, chúng ta thấy Giáo hội hiện lên như người mẹ của kẻ nghèo, như nơi đón tiếp và thực thi công bình.

40. Về phần mình, thánh Giustinô đã gửi tác phẩm *Hộ giáo* đầu tiên lên Hoàng đế Adrianô, Thượng viện và người dân Rôma, giải thích rằng các Kitô hữu dâng góp tất cả những gì có thể cho người túng thiếu vì họ nhìn

²⁷ Thánh Inhaxiô Antiôkia, *Epistula ad Smyrnaeos*, 6, 2: SC 10bis, Paris 2007, 136-138.

²⁸ Thánh Pôlycáp, *Epistula ad Philippenses*, 6, 1: SC 10bis, 186.

thấy nơi họ những người anh chị em trong Chúa Kitô. Khi viết về cộng đoàn quy tụ cầu nguyện ngày thứ nhất trong tuần, ngài nhấn mạnh rằng, ở tâm điểm của phụng vụ Kitô giáo, không thể tách rời việc thờ phượng Thiên Chúa khỏi mối bận tâm dành cho người nghèo. Do đó, tại một thời điểm nhất định trong buổi lễ: “những người giàu có và tự nguyện thì dâng góp theo ý mỗi người, của quyền góp được trao cho vị chủ sự, ngài cứu giúp trẻ mồ côi và góa phụ, những ai túng thiếu vì bệnh tật hay vì bất cứ lý do nào khác, những người bị giam cầm, khách lạ đang trú ngụ giữa chúng ta, và nói tóm lại là chăm sóc tất cả những người đang túng thiếu.”²⁹ Điều này chứng tỏ rằng Giáo hội sơ khai không tách biệt đức tin khỏi hành động xã hội: đức tin không có chứng tá bằng hành động cụ thể thì được coi là đức tin chết, như thánh Giacôbê đã dạy chúng ta (x. Gc 2,17).

Thánh Gioan Kim Khẩu

41. Trong hàng ngũ các Giáo phụ Đông phương, có lẽ nhà giảng thuyết nhiệt thành nhất về công bằng xã hội là thánh Gioan Kim Khẩu, Tổng Giám mục Constantinopolis vào cuối thế kỷ thứ IV sang đầu thế kỷ thứ V. Trong các bài giảng của mình, ngài đã khuyến dụ các tín hữu nhận ra Chúa Kitô nơi những người thiếu thốn: “Bạn muốn tôn kính thân thể Đức Kitô ư? Chớ khinh chê thân thể ấy khi thân thể ấy trần trụi: đừng có thái độ này là trong nhà thờ thì tôn kính, cho thân thể Người mang những y phục lụa là gấm vóc, nhưng ở ngoài lại coi thường, để cho thân thể ấy phải lạnh giá và trần trụi. Bởi vì Đấng nói Đây là mình Thầy và đã dùng lời của mình mà thực hiện việc đó, thì cũng chính là Đấng nói: Các ngươi đã thấy Ta đói mà không cho ăn và Các ngươi không làm như thế cho một trong những người bé nhỏ nhất đây, là các ngươi đã không làm cho chính Ta vậy. Thân thể Chúa ở đây không cần y phục, nhưng cần tâm hồn trong trắng, còn thân thể Chúa ngoài kia thì cần được chăm lo tận tình. Chúng ta hãy học cho

²⁹ Thánh Giustinô, *Apologia prima*, 67, 6-7: SC 507, Paris 2006, 310.

biết suy nghĩ chín chắn sâu xa mà tôn kính Đức Kitô như Người muốn. Thật vậy, Đấng chúng ta tôn kính sẽ rất hài lòng khi chúng ta tôn kính theo cách Người chọn chứ không phải theo cách chúng ta nghĩ. Ông Phêrô tưởng là ông tôn kính Chúa khi ngăn cản không để Chúa rửa chân cho ông; nhưng muốn như thế chẳng phải là tôn kính, mà lại là điều trái ngược hẳn. Bạn cũng thế, hãy bày tỏ lòng tôn kính Người theo cách mà Người đã truyền dạy khi ra luật cho bạn: đem của cải phân phát cho người nghèo. Thiên Chúa chẳng cần bình vàng chén bạc, nhưng cần những tấm lòng vàng.”³⁰ Và với lời lẽ minh bạch, ngài khẳng quyết rằng nếu tín hữu không gặp Đức Kitô nơi người nghèo đang đứng ngoài cửa, thì họ cũng không thể thờ phượng Người ngay cả tại bàn thờ. Ngài tiếp: “Quả vậy, ích lợi gì khi bàn của Đức Kitô thì chất đầy những bình vàng đang lúc chính Người lại phải chết vì chẳng có gì ăn? Trước hết, hãy cho kẻ đói ăn no đã, rồi còn lại bao nhiêu sẽ đem trang hoàng cho bàn của Người.”³¹ Vì thế, ngài hiểu Bí tích Thánh Thể như một diễn tả có tính bí tích của bác ái và công bình, vốn đi trước và gắn liền với nó. Chính bác ái và công bình ấy sẽ nối dài Bí tích Thánh Thể, xuyên qua tình yêu thương và sự quan tâm đến người nghèo.

42. Do đó, bác ái không phải là điều tùy chọn, nhưng là một đòi hỏi của việc thờ phượng chân thật. Thánh Kim Khẩu mạnh mẽ lên án sự giàu có quá mức gắn liền với sự thờ ơ đối với người nghèo. Sự quan tâm dành cho họ không chỉ là một yêu cầu xã hội, mà còn là điều kiện để được ơn cứu độ, biến của cải bất chính thành một yếu tố kết án. “Trời giá lạnh, còn người nghèo thì nằm co ro trong giẻ rách, hấp hối, run rẩy, hình hài và y phục khiến ai cũng phải xúc động. Thế mà bạn, mặt đỏ bừng và say xỉn, lại thản nhiên bước qua. Vậy bạn còn mong Thiên Chúa cứu bạn khỏi tai họa sao?... Bạn thường tô điểm cho một xác chết vô tri, chẳng còn danh dự gì nữa, với những bộ trang phục thêu vàng lấp lánh đủ loại. Vậy mà bạn lại khinh

³⁰ Thánh Gioan Kim Khẩu, *Homiliae in Matthaeum*, 50, 3: PG 58, Paris 1862, 508.

³¹ Sđđ. 50, 4: PG 58, 509.

thường người đang bị đau đớn kia, người ấy đang bị xé nát, bị hành hạ, bị dày vò bởi đói khát và giá lạnh.”³² Ý thức công bình xã hội sâu xa ấy đưa thánh nhân đến tuyên bố rằng: “Không cho người nghèo được chia sẻ của cải của chúng ta là ăn cắp của họ và tước đoạt mạng sống của họ, của cải chúng ta sở hữu không phải của chúng ta, mà là của họ.”³³

Thánh Augustinô

43. Vị hướng dẫn thiêng liêng của thánh Augustinô là thánh Ambrôsiô, người luôn nhấn mạnh đòi hỏi luân lý phải chia sẻ của cải vật chất: “Điều bạn trao cho người nghèo không phải là của bạn, nhưng là của họ. Tại sao bạn chiếm đoạt điều được ban vì công ích.”³⁴ Đối với vị Giám mục Milan, việc bố thí là công lý được phục hồi, chứ không phải là hành động ban phát từ trên xuống. Trong lời giảng của ngài, lòng thương xót mang chiều kích ngôn sứ: ngài mạnh mẽ phê phán những cơ cấu tích trữ của cải và tái khẳng định sự hiệp thông xét như là ơn gọi của Giáo hội.

44. Được huấn luyện trong truyền thống này, vị Giám mục thánh thiện của thành Hippo đã dạy về tình yêu thương ưu tiên dành cho người nghèo. Là một mục tử tỉnh thức và là nhà thần học có cái nhìn sắc sảo hiếm có, ngài nhận ra rằng sự hiệp thông đích thực của Giáo hội cũng biểu lộ trong sự hiệp thông về của cải. Trong bài Chú giải Thánh vịnh, ngài nhắc chúng ta rằng người Kitô hữu đích thực thì không lơ là yêu thương đối với những người túng thiếu nhất: “Khi quan sát anh chị em mình, bạn sẽ biết họ có đang thiếu thốn hay không, và nếu Đức Kitô ở trong bạn, hãy mở lòng bác ái cả với người khách lạ.”³⁵ Do đó, việc chia sẻ của cải này bắt nguồn từ đức ái mang chiều kích thần học và quy hướng tối hậu về tình yêu của Chúa

³² Thánh Gioan Kim Khẩu, *Homilia in Epistula ad Hebraeos*, 11, 3: PG63, Paris 1862, 94.

³³ Thánh Gioan Kim Khẩu, *Homilia II De Lazaro*, 6: PG 48, Paris 1862, 992.

³⁴ Thánh Ambrôsiô, *De Nabuthae*, 12, 53: CSEL 32/2, Praha-Vienna-Leipzig 1897, 498.

³⁵ Thánh Augustinô, *Enarrationes in Psalmos*, 125, 12: CSEL 95/3, Vienna 2001, 181.

Kitô. Đối với thánh Augustinô, người nghèo không chỉ là những người cần được giúp đỡ, mà còn là sự hiện diện mang tính bí tích của Chúa.

45. Vị Tiến sĩ của Ân sủng coi việc chăm sóc người nghèo là bằng chứng cụ thể cho sự chân thành của đức tin. Bất cứ ai nói rằng mình yêu mến Thiên Chúa mà không có lòng thương cảm đối với người túng thiếu thì đó là kẻ nói dối (x. *1Ga* 4,20). Khi chú giải trình thuật gặp gỡ giữa Đức Giêsu với người thanh niên giàu có và “kho tàng trên trời” dành cho ai phân phát của cải cho người nghèo (x. *Mt* 19,21), thánh Augustinô đặt những lời sau đây vào miệng Chúa: “Ta đã nhận được đất, Ta sẽ ban tặng thiên đàng; Ta đã nhận được của cải chóng qua, Ta sẽ ban tặng của cải vĩnh cửu; Ta đã nhận được bánh, Ta sẽ ban tặng sự sống... Ta đã được tiếp đón, Ta sẽ ban một mái ấm; Ta đã được thăm viếng khi Ta đau yếu, Ta sẽ ban tặng sức khỏe; Ta đã được thăm viếng nơi ngục tù, Ta sẽ ban tặng tự do. Tấm bánh người trao cho kẻ nghèo của Ta đã được dùng hết, còn tấm bánh Ta ban sẽ không những nuôi dưỡng người, mà còn chẳng bao giờ vơi cạn.”³⁶ Đấng Toàn Năng sẽ không chịu thua kém lòng quảng đại đối với ai phục vụ những người túng thiếu nhất: tình yêu dành cho người nghèo càng lớn, phần thưởng Thiên Chúa ban càng lớn.

46. Quan điểm lấy Chúa Kitô làm trung tâm và mang tính Giáo hội sâu sắc này dẫn chúng ta đến việc khẳng định rằng, các lễ vật, khi xuất phát từ tình yêu, không chỉ làm giảm bớt nhu cầu của anh chị em mình, mà còn thanh tẩy tâm hồn người trao tặng, nếu người ấy sẵn lòng canh tân đời sống. Thật thế, theo lời của vị gọi là Pseudo Augustinô: “Việc bố thí có thể mang lại lợi ích cho bạn trong việc xóa bỏ tội lỗi quá khứ, nếu bạn sửa đổi đường lối của mình.”³⁷ Có thể nói, đây là hành trình hoán cải thông thường đối với những ai muốn theo Chúa Kitô với một trái tim không chia sẻ.

³⁶ Thánh Augustinô, *Sermo LXXXVI*, 5: CCSL 41Ab, Turnhout 2019, 411-412.

³⁷ Pseudo-Augustine, *Sermo CCCLXXXVIII*, 2: PL 39, Paris 1862, 1700.

47. Trong một Giáo hội nhìn nhận người nghèo là dung mạo của Chúa Kitô và của cải là khí cụ của đức ái, tư tưởng của thánh Augustinô vẫn là một ánh sáng vững chắc. Ngày nay, việc trung thành với giáo huấn của thánh Augustinô không chỉ đòi hỏi việc nghiên cứu các tác phẩm của ngài, mà còn phải sẵn sàng sống triệt để lời mời gọi hoán cải của thánh nhân, điều này tất yếu bao gồm việc phục vụ bác ái.

48. Nhiều Giáo phụ khác, Đông phương cũng như Tây phương, đã nói về tính ưu tiên của việc quan tâm đến người nghèo trong đời sống và sứ mạng của mỗi Kitô hữu. Trong viễn cảnh này, có thể nói tóm lại rằng thần học giáo phụ mang tính thực tiễn, hướng đến một Giáo hội nghèo và vì người nghèo, nhắc nhở rằng Tin mừng chỉ được loan báo đúng đắn khi nó thúc đẩy chúng ta chạm đến thân xác của những người bé mọn nhất, và cảnh báo rằng sự cứng nhắc về giáo lý mà không có lòng thương xót chỉ là lời nói suông.

Chăm sóc các bệnh nhân

49. Lòng thương xót của Kitô giáo được thể hiện một cách đặc biệt qua việc chăm sóc người bệnh và người đau khổ. Dựa trên những dấu chỉ hiện diện trong sứ vụ công khai của Chúa Giêsu - chữa lành người mù, người phong cùi và người bại liệt - Giáo hội hiểu rằng việc chăm sóc người bệnh, nơi họ, Giáo hội nhận ra Chúa Kitô chịu đóng đinh, là một phần quan trọng trong sứ mệnh của mình. Trong một trận dịch bệnh tại thành Carthage, nơi ngài làm Giám mục, thánh Cyprianô đã nhắc nhở các Kitô hữu về tầm quan trọng của việc chăm sóc người bệnh: “Trận dịch này, dường như rất khủng khiếp và chết chóc, đã thử thách lòng công chính của mỗi cá nhân, và dò xét tâm trí của cả nhân loại, để xem người khoẻ mạnh có phục vụ người đau yếu hay không, liệu những người thân của nhau có thực lòng yêu thương nhau hay không, chủ có biết xót thương các đầy tớ đang bệnh hay không, thầy thuốc có bỏ rơi bệnh nhân đang van xin cứu giúp hay

không.”³⁸ Truyền thống Kitô giáo thăm viếng bệnh nhân, rửa sạch vết thương, ủi an người sầu khổ, không chỉ là hoạt động bác ái xã hội, nhưng là hành vi mang tính Giáo hội, qua đó các phần tử của Giáo hội “chạm đến thân mình đau khổ của Đức Kitô.”³⁹

50. Vào thế kỷ XVI, thánh Gioan Thiên Chúa lập Dòng Bệnh viện mang tên ngài, xây dựng những bệnh viện kiểu mẫu đón tiếp tất cả mọi người bất kể địa vị xã hội hay kinh tế. Câu nói nổi tiếng của ngài, “Hỡi anh em, hãy làm điều thiện,” đã trở thành một phương châm cho hoạt động bác ái tích cực đối với các bệnh nhân. Đồng thời, thánh Camillô de Lellis lập Dòng Tôi Tó Bệnh Nhân (tức là Dòng Camillô), đảm nhận sứ mạng phục vụ bệnh nhân bằng tất cả tấm lòng. Luật dòng dạy: “Mỗi người hãy cầu xin Chúa ban cho mình một tình thương hiền mẫu đối với tha nhân, để chúng ta có thể phục vụ họ với tất cả lòng bác ái, cả trong tâm hồn lẫn thể xác, bởi vì nhờ ơn Chúa, chúng ta ước muốn phục vụ tất cả các bệnh nhân với tâm tình mà một người mẹ yêu thương dành cho đứa con duy nhất đang đau ốm.”⁴⁰ Trong các bệnh viện, trên chiến trường, trong nhà tù và trên đường phố, các tu sĩ Camilô đã là hiện thân của lòng thương xót nơi Chúa Kitô, Đấng chính là vị Lương Y.

51. Khi chăm sóc bệnh nhân bằng lòng trìu mến mẫu tử, như người mẹ chăm con, vô số nữ tu đã đảm nhận vai trò còn rộng khắp hơn trong việc chăm sóc y tế cho người nghèo. Các chị em Nữ tử Bác ái thánh Vinh Sơn Phaolô, các Nữ tu Bệnh viện, các Tiểu muội của Chúa Quan Phòng, và nhiều hội dòng nữ khác đã trở thành một sự hiện diện hiền mẫu âm thầm trong các bệnh viện, các nhà dưỡng lão và các nhà hưu. Họ đã mang đến sự an ủi, lắng nghe, sự hiện diện, và trên hết là sự ân cần. Họ đã xây dựng, thường bằng chính đôi tay của mình, các cơ sở chăm sóc sức khỏe ở những

³⁸ Thánh Cyprianô, *De Mortalitate*, 16: CCSL 3A, Turnhout 1976, 25.

³⁹ Đức Phanxicô, *Sứ điệp nhân Ngày Thế giới Người bệnh lần thứ 30* (10.12.2021), 3: AAS 114 (2022), 51.

⁴⁰ Thánh Camillô de Lellis, *Tu luật của Dòng Thừa tác viên Bệnh nhân*, 27: M. Vanti (ed.), *Scritti di San Camillo de Lellis*, Milan 1965, 67.

khu vực thiếu sự hỗ trợ y tế. Họ dạy về vệ sinh, hỗ trợ sinh nở và cung cấp thuốc men với sự khôn ngoan tự nhiên và đức tin sâu sắc. Nhà của họ trở thành những ốc đảo của phẩm giá, nơi không ai bị loại trừ. Sự động chạm của lòng thương cảm là phương dược đầu tiên. Thánh Louise de Marillac đã viết cho các Sơ Nữ tử Bác ái, là các chị em của mình, để nhắc nhở họ rằng: “họ đã được Thiên Chúa đặc biệt chúc phúc để phục vụ những người nghèo hèn, đau yếu trong các bệnh viện.”⁴¹

52. Ngày nay, di sản ấy tiếp tục nơi các bệnh viện Công giáo, các cơ sở y tế ở vùng sâu vùng xa, các đoàn y tế truyền giáo nơi rừng sâu, các trung tâm đón tiếp người nghiện và “bệnh viện dã chiến” ở vùng chiến sự. Sự hiện diện Kitô giáo bên cạnh bệnh nhân cho thấy ơn cứu độ không phải ý niệm trừu tượng, nhưng là một hành động cụ thể. Khi băng bó một vết thương, Giáo hội công bố rằng Nước Thiên Chúa khởi sự giữa những người dễ bị tổn thương nhất. Làm như thế, Giáo hội trung tín với Đấng đã nói: “Ta đau yếu, các ngươi đã viếng thăm” (Mt 25,36). Khi Giáo hội quỳ xuống bên một người phong cùi, một trẻ em suy dinh dưỡng đưa trẻ suy dinh dưỡng hay một người vô danh đang hấp hối, Giáo hội thực hiện ơn gọi sâu xa nhất của mình, đó là yêu mến Chúa nơi chính Người đang bị tổn thương nhất.

Chăm sóc người nghèo trong đời sống đan tu

53. Đời sống đan tu, khai sinh trong tĩnh lặng của sa mạc, ngay từ đầu đã là chứng tá cho tình liên đới. Các đan sĩ nam nữ từ bỏ tất cả – của cải, địa vị, gia đình, – không chỉ vì khinh chê của cải trần thế (*contemptus mundi*), nhưng còn để gặp gỡ Đức Kitô nghèo khó nhờ việc từ bỏ triệt để ấy. Trong Luật Dòng của ngài, thánh Basiliô Cả cho thấy không có sự mâu thuẫn nào giữa đời sống cầu nguyện và chiêm niệm của các đan sĩ với công việc phục vụ người nghèo. Đối với ngài, lòng hiếu khách và sự chăm sóc người túng

⁴¹ Louise de Marillac, *Letter to Sisters Claudia Carré and Maria Gaudoin* (28 November 1657): E. Charpy (ed.), *Sainte Louise de Marillac. Œuvres*, Paris 1983, 576.

thiếu là một phần không thể thiếu trong linh đạo đan tu, và các đan sĩ, ngay cả sau khi đã từ bỏ mọi thứ để sống cuộc đời nghèo khó, vẫn phải giúp đỡ những người nghèo khổ nhất bằng chính công việc của mình, bởi vì “để có đủ điều kiện giúp đỡ người túng thiếu... rõ ràng là chúng ta phải siêng năng làm việc ... Lối sống này hữu ích không chỉ cho việc chế ngự thân xác, mà còn cho việc thực thi bác ái đối với tha nhân, để qua chúng ta, Thiên Chúa cung cấp đủ cho các anh chị em yếu đuối hơn.”⁴²

54. Tại Xêdarê, nơi ngài làm Giám mục, thánh Basiliô xây dựng một tòa nhà phức hợp gọi là *Basiliad*, gồm nhà ở, bệnh viện và trường học cho người nghèo và bệnh tật. Vì thế, đan sĩ không chỉ là người khổ hạnh, mà còn là người phục vụ. Thánh Basiliô cho thấy rằng muốn gần Thiên Chúa thì phải gần người nghèo. Tình yêu cụ thể là tiêu chuẩn của sự thánh thiện. Việc cầu nguyện và chăm sóc, chiêm niệm và chữa lành, viết lách và đón tiếp, tất cả đều thể hiện cùng một lòng yêu mến đối với Chúa Kitô.

55. Ở Tây phương, thánh Biển Đức Nursia soạn một Tu luật trở thành xương sống cho linh đạo đan tu châu Âu. Việc đón tiếp người nghèo và khách hành hương chiếm vị trí nổi bật trong đoạn Tu luật này: “Với người nghèo và khách hành hương, chúng ta phải hết sức ân cần đón tiếp, vì hơn nơi ai khác chính nơi họ mà chúng ta đón tiếp Chúa Kitô.”⁴³ Đây không chỉ là lời nói suông: trong nhiều thế kỷ, các đan viện Biển Đức là nơi nương náu cho các góa phụ, trẻ bị bỏ rơi, lũ khách và người hành khất. Đối với thánh Biển Đức, đời sống cộng đoàn chính là trường học đức ái. Việc lao động chân tay không chỉ có chức năng thực tiễn, mà còn đào luyện trái tim phục vụ. Việc chia sẻ giữa các đan sĩ, việc chăm sóc người bệnh và lắng nghe những người dễ bị tổn thương nhất đã giúp họ chuẩn bị đón tiếp Chúa Kitô nơi những người nghèo và các khách lạ. Ngày nay, lòng hiếu khách của các đan viện Biển Đức vẫn là dấu chỉ của một Giáo hội mở rộng

⁴² Thánh Basiliô Cả, *Regulae fusius tractatae*, 37, 1: PG31, Paris 1857, 1009 C-D.

⁴³ *Tu luật thánh Biển Đức*, chương 53,15: SC 182, Paris 1972, 614.

cửa, đón tiếp vô điều kiện, và chữa lành mà không đòi hỏi bất cứ sự đáp đền nào.

56. Theo thời gian, các đan viện Biển Đức trở thành nơi vượt thắng nền văn hóa loại trừ. Các đan sĩ nam nữ canh tác đất đai, sản xuất lương thực, bào chế dược liệu và quảng đại trao tặng cho những người cần đến. Lao động thầm lặng của họ làm dậy men trong một nền văn minh mới, nơi mà người nghèo không bị coi là “vấn đề” phải giải quyết, nhưng là anh chị em cần được đón tiếp. Nguyên tắc chia sẻ, cộng tác làm việc cùng nhau và trợ giúp người dễ tổn thương đã hình thành một nền kinh tế liên đới, đối nghịch với náo trạng tích lũy. Chứng tá của các đan sĩ cho thấy rằng sự khó nghèo tự nguyện không phải là sự khốn khổ, mà là con đường của tự do và hiệp thông. Họ không tự giới hạn mình nơi việc giúp đỡ người nghèo: họ trở thành những người thân cận, những anh chị em trong cùng một Chúa. Trong các tu phòng và các nội vi, họ đã kiến tạo được một sự hiện diện thần bí của Thiên Chúa nơi những con người bé mọn.

57. Ngoài việc trợ giúp vật chất, các đan viện còn đóng vai trò nền tảng trong việc hình thành nền văn hóa và đời sống thiêng liêng cho người khiêm hạ nhất. Trong những thời kỳ dịch bệnh, chiến tranh, hay đói kém, đan viện là nơi người thiếu thốn tìm được lương thực và thuốc men, nhưng cũng tìm được phẩm giá và tiếng nói của mình. Ở đó, trẻ mồ côi được giáo dục, người học việc được đào tạo, nông dân được hướng dẫn kỹ thuật canh tác và học chữ. Tri thức được chia sẻ như một hồng ân và trách nhiệm. Viện phụ vừa là cha vừa là thầy, và trường học đan tu là nơi của tự do nhờ chân lý. Quả thật, như Gioan Cassianô viết, đan sĩ phải được ghi dấu bởi “lòng khiêm nhường... điều này không dẫn đến tri thức làm kiêu căng, mà là tri thức rạng ngời nhờ đức ái hoàn hảo.”⁴⁴ Bằng cách đào tạo lương tâm và truyền thụ sự khôn ngoan, các đan sĩ đã đóng góp cho một khoa ‘sư phạm

⁴⁴ Gioan Cassianô, *Collationes*, XIV, 10: CSEL 13, Vienna 2004, 410.

bao gồm' của Kitô giáo. Nền văn hóa, ghi dấu ấn đức tin, được chia sẻ một cách đơn sơ. Tri thức, tỏa sáng nhờ bác ái, trở thành sự phục vụ. Do đó, đời sống đan tu tự biểu lộ như một phong cách thánh thiện và một con đường cụ thể để chuyển hóa xã hội.

58. Truyền thống đan tu dạy chúng ta rằng cầu nguyện và bác ái, thỉnh lặng và phục vụ, tu phòng và bệnh viện tạo thành một cấu trúc tâm linh duy nhất. Đan viện là nơi để lắng nghe và hành động, là nơi thờ phượng và sẻ chia. Thánh Bênêđô thành Clairvaux, nhà cải cách vĩ đại của Dòng Xitô, “đã nghiêm khắc nhắc nhở rằng, cần phải sống tiết độ và chừng mực, trong ăn uống cũng như trong y phục và nhà cửa, và kêu gọi việc hỗ trợ cũng như chăm sóc những người nghèo khổ.”⁴⁵ Đối với ngài, lòng trắc ẩn không phải là một lựa chọn tùy thuộc, mà chính là lộ trình đích thực để theo Chúa Kitô. Vì thế, nếu trung thành với ơn gọi nguyên thủy của mình, đời sống đan tu sẽ cho thấy rằng Giáo hội chỉ đúng nghĩa là Hiền thê của Chúa, khi Giáo hội cũng là chị em của người nghèo. Nội vi đan viện không chỉ là nơi ẩn dật khỏi thế gian, mà còn là trường học nơi người ta học cách phục vụ trần thế tốt hơn. Ở bất cứ đâu các nam nữ đan sĩ mở cửa đón nhận người nghèo, thì ở đó Giáo hội – với lòng khiêm tốn và kiên định – đã cho thấy rằng việc chiêm niệm không loại trừ lòng thương xót, trái lại còn đòi hỏi lòng thương xót như hoa trái tinh tuyền nhất của mình.

Giải phóng người bị giam cầm

59. Từ thời các tông đồ, Giáo hội đã xem việc giải phóng những người bị áp bức như một dấu chỉ của Nước Thiên Chúa. Chính Đức Giêsu, vào đầu sứ vụ công khai của mình, đã công bố: “Thần Khí Chúa ngự trên tôi, vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi để tôi loan báo Tin mừng cho kẻ nghèo khó. Người đã sai tôi đi công bố cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha” (Lc 4,18). Ngay cả trong những hoàn cảnh bấp bênh, các Kitô hữu thời sơ khai vẫn

⁴⁵ Đức Bênêđictô XVI, *Giáo lý* (21.10.2009): L'Osservatore Romano, 22.10.2009, 1.

cầu nguyện và hỗ trợ cho các anh chị em mình đang bị giam cầm, như sách Công vụ Tông đồ (x. Cv 12,5; 24,23) và nhiều tài liệu của các Giáo phụ đã chứng thực. Sứ mạng giải phóng này đã tiếp tục qua các thế kỷ bằng những hành động cụ thể, đặc biệt khi thảm kịch nô lệ và tù đầy đã in dấu trên toàn thể xã hội.

60. Từ cuối thế kỷ XII đến đầu thế kỷ XIII, khi nhiều Kitô hữu bị bắt ở vùng Địa Trung Hải hoặc bị bắt làm nô lệ trong các cuộc chiến, đã xuất hiện hai hội dòng: Dòng Chúa Ba Ngôi và Giải Cứu Tù Nhân (*Trinitarians*), do thánh Gioan Mácta và thánh Felix de Valois sáng lập, và Dòng Đức Mẹ Nhân Ái (*Mercedarians*), do thánh Phêrô Nolasco thành lập với sự nâng đỡ của thánh Raimundô de Peñafort, tu sĩ Dòng Đa Minh. Các cộng đoàn thánh hiến này ra đời với đặc sủng chuyên biệt là giải phóng các Kitô hữu bị bắt làm nô lệ, họ đặt chính của cải mình phục vụ cho những người bị nô dịch⁴⁶ và nhiều lần hiến cả mạng sống để đổi lấy tự do cho họ. Dòng Chúa Ba Ngôi, với châm ngôn *Gloria tibi Trinitas et captivis libertas*, (tôn vinh Chúa Ba Ngôi, và tự do cho những người bị giam cầm), và Dòng Đức Mẹ Nhân Ái, với lời khẩn thứ tư⁴⁷ được thêm vào ba lời khẩn khó nghèo, khiết tịnh và vâng phục, để làm chứng rằng đức ái có thể đạt tới mức anh hùng. Việc giải phóng các tù nhân là một biểu lộ của tình yêu Chúa Ba Ngôi: Đấng giải thoát không chỉ khỏi ách nô lệ thiêng liêng mà còn khỏi sự áp bức cụ thể. Hành động giải cứu một người khỏi ách nô lệ và giam cầm được xem như

⁴⁶ x. Innocent III, Bull *Operante divinae dispositionis—Primitive Rule of the Trinitarians* (17.12.1198), 2: J.L. Aurrecoechea – A. Moldón (eds.), *Fuentes históricas de la Orden Trinitaria* (s. XII-XV), Córdoba 2003, 6: “Mọi của cải, bất kể từ nguồn gốc hợp pháp nào, anh em phải chia thành ba phần bằng nhau. Trong chừng mực hai phần là đủ, anh em phải dùng chúng để thực hiện các công việc bác ái, cũng như để nuôi sống bản thân và những người thân thiết trong gia đình. Một phần ba còn lại được dành để chuộc những người bị giam cầm vì đức tin vào Chúa Kitô.”

⁴⁷ x. *Constitutions of the Mercedarian Order*, n. 14: Orden de la Bienaventurada Virgen María de la Merced, *Regla y Constituciones*, Rome 2014, 53: “Để hoàn thành sứ mệnh này, được thúc đẩy bởi lòng bác ái, chúng ta hiến dâng mình cho Thiên Chúa với một lời khẩn đặc biệt, được gọi là Cứu chuộc, nhờ đó chúng ta hứa sẽ hiến dâng mạng sống mình, nếu cần, như chính Chúa Kitô đã tự hiến mình vì chúng ta, để cứu những người Kitô hữu đang gặp nguy cơ đánh mất đức tin vào những hình thức nô lệ mới.”

sự nổi dài hy lễ cứu chuộc của Chúa Kitô, Đấng đổ máu ra làm giá cứu chuộc chúng ta, như Sách thánh đã dạy (x. 1Cr 6,20).

61. Linh đạo nguyên thủy của các dòng tu này bám rễ thâm sâu trong việc chiêm ngắm Thập giá. Chúa Kitô chính là Đấng Cứu Chuộc tuyệt hảo của các tù nhân, và Giáo hội, Thân Mình Chúa Kitô, kéo dài màu nhiệm này trong thời gian.⁴⁸ Các tu sĩ không nhìn việc chuộc tù nhân như một hành động thuần chính trị hay kinh tế, nhưng như một hành vi gần như phụng vụ, một sự tự hiến mang tính bí tích. Nhiều người đã hiến chính thân xác mình để thay cho tù nhân, thực hiện sát nghĩa lệnh truyền: “Không có tình thương nào cao cả hơn tình thương của người đã hy sinh tính mạng vì bạn hữu của mình” (Ga 15,13). Truyền thống của các Dòng này vẫn chưa kết thúc. Ngược lại, nó đã truyền cảm hứng cho những hình thức hành động mới trước tệ nạn nô lệ hiện đại: như nạn buôn người, lao động cưỡng bức, bóc lột tình dục, các hình thức phụ thuộc khác nhau.⁴⁹ Bác ái Kitô giáo, khi được thể hiện, sẽ trở thành khai phóng khi được hiện thân giữa đời. Cũng vậy, sứ mạng của Giáo hội, khi trung tín với Chúa của mình, luôn là công bố sự giải phóng. Ngay hôm nay, khi “hàng triệu người, trẻ em, phụ nữ và đàn ông ở mọi lứa tuổi, bị tước mất tự do và buộc phải sống trong những điều kiện giống như cảnh nô lệ”⁵⁰, di sản ấy đang được tiếp nối bởi các dòng này và bởi nhiều cơ quan cũng như hội dòng khác đang phục vụ nơi ngoại ô thành thị, vùng xung đột và những lộ trình di cư. Khi Giáo hội cúi

⁴⁸ x. Thánh Gioan Baotixita Conception, *La regla de la Orden de la Santísima Trinidad*, XX, 1: BAC Maior 60, Madrid, 1999, 90: “Trong điều này, người nghèo và tù nhân giống như Chúa Kitô, Đấng gánh chịu mọi đau khổ của trần gian... Dòng Chúa Ba Ngôi quy tụ họ và mời họ đến uống nước của Đấng Cứu Thế, điều đó có nghĩa là, nếu Chúa Kitô chịu treo trên Thập giá là ơn cứu chuộc và để cứu độ trần gian, thì Dòng đã nhận lấy ơn cứu chuộc này và muốn trao hiến cho người nghèo, cứu vớt và giải thoát các tù nhân.”

⁴⁹ x. Thánh Gioan Baotixita Conception, *El recogimiento interior*, XL, 4: BAC Maior 48, Madrid 1995, 689: “Ý chí tự do làm cho con người được tự do và làm chủ mọi loài thụ tạo, nhưng lạy Chúa, biết bao nhiêu người, bằng cách này, trở thành nô lệ và tù nhân của ma quỷ, bị giam cầm và xiềng xích bởi những đam mê và dục vọng của họ.”

⁵⁰ Đức Phanxicô, *Sứ điệp nhân Ngày Hòa bình Thế giới lần thứ 48* (8.12.2014), số 3: AAS 107 (2015), 69.

mình để bẻ gãy những xiềng xích mới đang trói buộc người nghèo, Giáo hội trở nên dấu chỉ Vượt Qua.

62. Chúng ta không thể kết thúc suy tư về những người bị tước đoạt tự do mà không nhắc đến những người đang ở các nhà tù và các trung tâm giam giữ. Ở đây, ta nhớ đến lời Đức Giáo hoàng Phanxicô nói với một nhóm tù nhân: “Đối với tôi, việc bước vào nhà tù luôn là một khoảnh khắc quan trọng, bởi vì nhà tù là nơi chứa đựng tình người cao cả... Một nhân vị bị thử thách, đôi khi bị bào mòn bởi những khó khăn, tội lỗi, phán xét, bởi hiểu lầm, đau khổ, nhưng đồng thời cũng tràn đầy sức mạnh, khao khát được tha thứ và khao khát được giải cứu.”⁵¹ Ước muốn này, trong số nhiều điều khác, cũng đã được các dòng tu dẫn thân cho việc giải cứu tù nhân, đón nhận như một ưu tiên phục vụ trong lòng Giáo hội. Như thánh Phaolô công bố: “Chính để chúng ta được tự do mà Đức Kitô đã giải thoát chúng ta” (Gl 5,1). Sự tự do này không chỉ là nội tâm: nó tự biểu lộ trong lịch sử như một tình yêu thương chăm sóc và giải thoát chúng ta khỏi mọi xiềng xích nô lệ.

Chứng nhân của khó nghèo Tin mừng

63. Vào thế kỷ XIII, trước sự phát triển của các thành thị, sự tập trung của cải và sự xuất hiện của những hình thức nghèo khó mới, Chúa Thánh Thần đã khơi dậy một hình thức thánh hiến mới trong Giáo hội: các dòng hành khất. Khác với mô hình đan tu vĩnh cư, các tu sĩ hành khất chọn đời sống lữ hành, không có tài sản riêng hay chung, phó thác hoàn toàn cho ơn Quan Phòng. Họ không chỉ phục vụ người nghèo: họ còn trở nên nghèo với người nghèo. Họ nhìn thành phố như một sa mạc mới và những người bị gạt ra bên lề như các bậc thầy thiêng liêng mới. Các dòng như Phanxicô, Đa Minh, Augustinô và Cát Minh đã làm một cuộc canh tân theo Tin

⁵¹ Đức Phanxicô, *Gặp gỡ với các sĩ quan cảnh sát nhà tù, người bị giam giữ và tình nguyện viên* (Verona, 18.5.2024): AAS 116 (2024), 766.

mừng, trong đó nếp sống đơn sơ và nghèo khó trở thành dấu chỉ ngôn sứ cho sứ vụ, khơi lại kinh nghiệm của cộng đoàn Kitô hữu đầu tiên (x. Cv 4,32). Chứng tá của các tu sĩ hành khất đã thách đố cả sự xa hoa của hàng giáo sĩ lẫn sự lạnh nhạt của xã hội đô thị.

64. Thánh Phanxicô Assisi trở thành biểu tượng của mùa xuân thiêng liêng ấy. Khi ốm lấy đức khó nghèo, ngài muốn bắt chước Chúa Kitô, Đấng nghèo khó, trần trụi và chịu đóng đinh. Trong Tu luật, Phanxicô đã đề nghị rằng “các anh em đừng chiếm hữu bất cứ điều gì, không nhà cửa, không nơi chốn, không bất cứ thứ gì. Và như những khách hành hương và khách trọ ở đời này, phục vụ Chúa trong khó nghèo và khiêm hạ, các anh em hãy mạnh dạn đi xin ăn và đừng hổ thẹn, vì Chúa đã trở nên nghèo vì chúng ta trên trần gian này.”⁵² Cuộc đời của ngài là một cuộc đời liên tục tự hạ mình: từ cung điện đến với người phong cùi, từ hùng biện đến tĩnh lặng, từ sở hữu đến hiến tặng trọn vẹn. Thánh Phanxicô không thành lập một tổ chức dịch vụ xã hội, mà là một đời sống huynh đệ theo Tin mừng. Nơi người nghèo, ngài thấy những người anh chị em, những hình ảnh sống động của chính Chúa. Sứ mạng của ngài là ở với họ, bằng một tình liên đới vượt mọi khoảng cách và một tình yêu biết chạnh lòng. Đức khó nghèo của Phanxicô mang tính tương quan: nó giúp ngài trở thành người thân cận, ngang hàng hay thậm chí thấp kém hơn những người khác. Sự thánh thiện của ngài phát sinh từ xác tín rằng, chỉ thật sự đón nhận Đức Kitô khi quảng đại hiến thân cho anh em mình.

65. Thánh Clara thành Assisi, đã được thánh Phanxicô truyền cảm hứng, thành lập Dòng Các Bà Nghèo Khó, sau này được gọi là Dòng Clara Khó Nghèo. Cuộc chiến thiêng liêng của ngài là trung tín gìn giữ lý tưởng khó nghèo triệt để. Thánh Clara khước từ những đặc ân của giáo hoàng vốn có thể bảo đảm sự an toàn vật chất cho đan viện của mình, và bằng quyết tâm,

⁵² Honorius III, Bull *Solet annuere – Regula bullata* (29.11.1223), chap. VI:SC285, Paris 1981, 192.

ngài đã xin, và được Đức Giáo hoàng Grêgôriô IX ban đặc ân gọi là *Đặc quyền Nghèo khó* [*Privilegium Paupertatis*], bảo đảm quyền được sống mà không hề sở hữu của cải vật chất nào.⁵³ Sự lựa chọn này thể hiện niềm tin thác tuyệt đối của ngài vào Thiên Chúa và nhận thức rằng sự nghèo khó tự nguyện là một hình thức tự do và mang tính ngôn sứ. Thánh Clara dạy các chị em của mình rằng Chúa Kitô là gia nghiệp duy nhất của họ và không gì có thể che khuất sự hiệp thông với Người. Đời sống cầu nguyện và ẩn dật của thánh nữ là tiếng kêu chống lại tinh thần thế tục và là sự bảo vệ thầm lặng cho những người nghèo và bị lãng quên.

66. Thánh Đa Minh de Guzmán, một người đương thời với thánh Phanxicô, đã lập Dòng Anh Em Thuyết Giáo, dù với một đặc sủng khác, nhưng cũng có cùng một lối sống nghèo triệt để như thế. Thánh Đa Minh muốn rao giảng Tin mừng bằng uy tín phát xuất từ nếp sống khó nghèo, xác tín rằng Chân Lý cần những chứng nhân chính trực. Gương sống nghèo khó của họ đi kèm với Lời Chúa mà họ rao giảng. Nhờ thoát khỏi gánh nặng vật chất, các tu sĩ Đa Minh có thể chuyên tâm hơn cho điều chính yếu là việc giảng thuyết. Họ đến với thành thị, đặc biệt là các trung tâm đại học, để giảng dạy chân lý về Thiên Chúa.⁵⁴ Sống nhờ sự đỡ nâng của tha nhân, họ cho thấy đức tin không bị áp đặt, nhưng là ân huệ được ban tặng. Và khi sống giữa người nghèo, họ học biết “chân lý của Tin mừng từ bên dưới”, như những người môn đệ của một Đấng Kitô khiêm hạ.

67. Như thế, các dòng hành khất là lời đáp sống động trước sự loại trừ và dửng dưng vô cảm. Họ không chủ trương cải cách xã hội một cách minh nhiên, nhưng kêu gọi một cuộc hoán cải cá nhân và cộng đoàn theo logic của Nước Trời. Đối với họ, sự khó nghèo không phải là hậu quả bởi sự thiếu thốn của cải vật chất, nhưng chính là một sự chọn lựa tự do: hạ mình

⁵³ x. Đức Grêgôriô IX, Bull *Sicut manifestum est* (17.9.1228), 7: SC 325, Paris 1985, 200: “Sicut igitur supplicastis, altissimae paupertatis propositum vestrum favore apostolico roboramus, auctoritate vobis praesentium indulgentes, ut recipere possessiones a nullo compelli possitis.”

⁵⁴ x. S.C. Tugwell, (ed.), *Dòng Đa Minh thời sơ khai. Tuyển tập tác phẩm*, Mahwah 1982, 16-19.

sống hèn mọn để đón tiếp những người hèn mọn. Như tác giả Tôma Celano nói về thánh Phanxicô như sau: “Thánh Phanxicô cho thấy ngài rất mực yêu thương người nghèo... Ngài thường cởi áo mình để trao cho người nghèo, những người mà ngài muốn trở nên giống họ.”⁵⁵ Các tu sĩ hành khất đã trở thành biểu tượng của một Giáo hội lữ hành, khiêm nhu và huynh đệ, sống giữa người nghèo không phải để chiêu dụ cải đạo, nhưng như biểu lộ căn tính chân thật của mình. Họ dạy chúng ta rằng Giáo hội trở nên ánh sáng khi Giáo hội trút bỏ mọi sự, và rằng con đường nên thánh ngang qua lòng khiêm hạ tận hiến cho những người bé mọn nhất.

Giáo hội và việc giáo dục người nghèo

68. Khi nói với các nhà giáo dục, Đức Giáo hoàng Phanxicô nhắc rằng giáo dục luôn là một trong những biểu hiện cao đẹp nhất của đức ái Kitô giáo. “Sứ mạng của anh chị em đầy chướng ngại cũng như đầy tràn niềm vui tươi... Một sứ mạng của tình yêu, bởi không thể dạy dỗ nếu không có tình yêu thương.”⁵⁶ Theo nghĩa này, ngay từ thời xa xưa, các Kitô hữu đã hiểu rằng tri thức có sức giải thoát, mang lại phẩm giá, và đưa chúng ta đến gần chân lý hơn. Đối với Giáo hội, việc dạy học cho người nghèo là một hành vi của công bình và của đức tin. Được linh hứng bởi mẫu gương của Thầy Chí Thánh, Đấng dạy dân chúng chân lý thần linh và nhân linh, Giáo hội lãnh lấy sứ mạng đào luyện thiếu nhi và giới trẻ, nhất là những trẻ em nghèo nhất, trong sự thật và tình yêu. Sứ mạng này được hình thành, qua việc thiết lập những Hội dòng chuyên lo về giáo dục.

69. Vào thế kỷ XVI, thánh Giuse Calasanz, xúc động trước tình trạng thiếu giáo dục và đào luyện nơi thanh thiếu niên nghèo của Rôma, đã lập trường công đầu tiên miễn phí tại châu Âu trong vài căn phòng ngay cạnh nhà thờ thánh Đôrôthêa gần Trastevere. Từ hạt giống ấy, Dòng Giáo sĩ Nghèo của

⁵⁵ Vị tôi tớ Chúa, Tôma Celano, *Vita Seconda, pars prima*, cap. IV, 8: *Anal Franc*, 10, Florence 1941, 135.

⁵⁶ Đức Phanxicô, *Diễn văn sau chuyến viếng thăm mộ của Don Lorenzo Milani*, (Barbiana, 20.6.2017), 2: AAS 109 (2017), 745.

Mẹ Thiên Chúa, thuộc các Trường Đạo Đức, được gọi là Dòng Calasan (*Piarists*), mặc dù không phải là không gặp khó khăn. Mục tiêu của dòng là truyền đạt cho giới trẻ “không chỉ kiến thức đời mà cả sự khôn ngoan của Tin mừng, dạy họ nhận ra trong cuộc đời của họ và trong lịch sử hành động yêu thương của Thiên Chúa, Đấng Sáng Tạo và Cứu Chuộc (còn gọi là Dòng Piô), đã nảy nở và phát triển, dù không ít gian nan. Mục tiêu của các ngài là truyền cho người trẻ “không những kiến thức đời mà còn cả sự khôn ngoan của Tin mừng, dạy họ khám phá trong các biến cố đời mình và trong dòng lịch sử hoạt động yêu thương của Thiên Chúa Tạo Thành và Cứu Chuộc.”⁵⁷ Quả thật, có thể xem vị linh mục can đảm này chính là “người sáng lập đích thực của các trường Công giáo hiện đại, nhắm đến việc đào tạo toàn diện con người, và mở rộng đến tất cả mọi người.”⁵⁸ Với cùng một nhạy cảm, thánh Gioan Lasan [*de La Salle*], nhận ra sự bất công do việc loại trừ con em giới thợ thuyền và người bình dân khỏi hệ thống giáo dục tại Pháp thời bấy giờ, ngài đã lập Dòng Sư huynh Trường Kitô vào thế kỷ XVII, với lý tưởng cung cấp cho họ nền giáo dục miễn phí, sự đào luyện vững vàng và một bầu khí huynh đệ. Thánh Gioan Lasan nhìn lớp học như nơi tăng trưởng con người, nhưng cũng là nơi hoán cải. Tại các trường của ngài, việc cầu nguyện, tính ngăn nắp, kỷ luật và chia sẻ đều được liên kết với nhau. Mỗi người trẻ được coi như một quà tặng độc đáo của Thiên Chúa, và việc giảng dạy cũng chính là phục vụ Nước Chúa.

70. Cũng tại Pháp, vào thế kỷ XIX, thánh Marcellinô Champagnat, thiết lập Hội dòng Sư huynh và dòng Tiểu Muội Đức Mẹ [*Marist*]. “Ngài nhạy bén trước các nhu cầu thiêng liêng và giáo dục của thời đại, đặc biệt là sự thiếu kiến thức về tôn giáo và tình trạng bị bỏ rơi mà cách riêng giới trẻ đang phải gánh chịu.”⁵⁹ Ngài hiến thân trọn vẹn cho sứ mạng giáo dục và loan

⁵⁷ Thánh Gioan Phaolô II, *Diễn văn gửi đến các tham dự viên Tổng Công nghị các giáo sĩ nghèo thường trực của Dòng Mẹ Thiên Chúa của các trường đạo đức (Piarists)* (5.7.1997), 2: *L'Osservatore Romano*, 6.7.1997, 5.

⁵⁸ Sđd.

⁵⁹ Thánh Gioan Phaolô II, *Bài giảng trong Thánh lễ phong hiến thánh* (18.4.1999): AAS 91 (1999), 930.

báo Tin mừng, cho trẻ em và thanh thiếu niên, nhất là những em thiếu thốn nhất, trong giai đoạn tiếp cận giáo dục vẫn còn là đặc quyền của một số ít. Cùng một tinh thần ấy, thánh Gioan Bosco khởi sự công trình lớn lao của Dòng Salêdiêng tại Ý, dựa trên ba nguyên tắc của “phương pháp phòng ngừa” – lý trí, tôn giáo và lòng nhân ái.⁶⁰ Chân phước Antôn Rosmini lập Dòng Bác Ái, trong đó “bác ái trí thức” được đặt bên cạnh “bác ái vật chất,” và “bác ái thiêng liêng mục vụ” đứng hàng đầu như một chiều kích không thể thiếu của mọi hoạt động bác ái, nhằm thiện ích việc thăng tiến toàn diện của con người.⁶¹

71. Nhiều Hội dòng nữ đã trở thành những tác nhân chính của cuộc canh tân sư phạm này. Được thành lập trong các thế kỷ XVIII và XIX, các nữ tu Ursuline, Nữ tu Dòng Đức Mẹ Maria, các sơ *Maestre Pie*, và nhiều Hội dòng khác đã hiện diện tại những nơi mà nhà nước còn vắng bóng. Họ thành lập trường học ở những ngôi làng nhỏ, vùng ngoại ô và các khu dân cư lao động. Đặc biệt, việc giáo dục thiếu nữ đã trở thành ưu tiên hàng đầu. Các nữ tu dạy học, xóa nạn mù chữ, loan báo Tin mừng, chăm lo các việc thực hành của đời sống hằng ngày, nâng tâm hồn qua việc trau dồi nghệ thuật, và trên hết là hình thành lương tâm. Phương pháp sư phạm của họ rất đơn giản: đó là gần gũi, kiên nhẫn và dịu dàng. Họ dạy bằng chính gương sống trước khi dạy bằng lời nói. Trong một thời đại được đánh dấu bởi nạn mù chữ lan rộng và sự loại trừ có hệ thống, những người nữ thánh hiến này đã trở nên những ngọn hải đăng của niềm hy vọng. Sứ mạng của họ là uốn nắn con tim, dạy con người biết suy tư và thăng tiến phẩm giá. Bằng cách kết hợp đời sống đạo đức với sự tận tụy phục vụ tha nhân, họ đã chống lại cảnh bị bỏ rơi bằng sự dịu dàng của những người giáo dục nhân danh Chúa Kitô.

⁶⁰ x. Thánh Gioan Phaolô II, Tông thư *Iuvenum Patris* (31.1.1988), số 9: AAS80 (1988), 976.

⁶¹ x. Đức Phanxicô, *Diễn văn gửi đến các tham dự viên Tổng Công nghị của Viện Bác ái (Rosminians)* (1.10.2018): *L'Osservatore Romano*, ngày 1-2.10.2018, tr. 7.

72. Đối với đức tin Kitô giáo, việc giáo dục người nghèo không phải là việc thi ân, nhưng là một bổn phận. Trẻ em có quyền được hiểu biết, một điều kiện cơ bản để được công nhận phẩm giá con người. Dạy dỗ các em là khẳng định giá trị của các em bằng cách trao cho các em những công cụ để biến đổi thực tại của mình. Truyền thống Kitô giáo coi sự hiểu biết là một quà tặng Thiên Chúa ban, và là một trách nhiệm cộng đồng. Nền giáo dục Kitô giáo không chỉ đào tạo các chuyên viên, nhưng còn hình thành những con người mở ra với chân thiện mỹ. Bởi thế, các trường Công giáo, khi trung thành với danh hiệu của mình, phải là nơi tạo nên một không gian hòa nhập, đào tạo toàn diện và thăng tiến con người. Bằng cách kết hợp đức tin và văn hóa, các trường ấy gieo mầm cho tương lai, tôn vinh hình ảnh Thiên Chúa nơi con người và xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

Đồng hành với người di dân

73. Kinh nghiệm di cư luôn đồng hành với lịch sử của Dân Thiên Chúa. Ápraham lên đường mà không biết mình sẽ đi đâu. Môsê dẫn dắt dân hành hương bằng qua sa mạc. Đức Maria và thánh Giuse bằng Hải Nhi Giêsu trốn sang Ai Cập. Chính Đức Kitô, Đấng “đã đến nhà mình, nhưng người nhà chẳng chịu đón nhận” (Ga 1,11), đã sống giữa chúng ta như một người khách lạ. Vì thế, Giáo hội luôn nhận ra nơi người di dân có sự hiện diện sống động của Chúa, Đấng trong ngày phán xét sẽ nói với những người ở bên hữu rằng “xưa Ta là khách lạ, các ngươi đã tiếp rước Ta” (Mt 25,35).

74. Vào thế kỷ XIX, khi hàng triệu người dân Âu châu rời quê hương để tìm cuộc sống tốt hơn, có hai vị thánh nổi bật trong việc mục vụ cho người di dân: đó là thánh Gioan Battista Scalabrini và thánh Phanxicô Xaviê Cabrini. Thánh Scalabrini, vị Giám mục Piacenza, đã thành lập Dòng Thừa Sai thánh Carôlô để đồng hành với người di dân trên đường đến nơi định cư, trao cho họ sự trợ giúp thiêng liêng, pháp lý và vật chất. Thánh nhân

nhìn thấy nơi người di dân những người được ưu tiên cho một cuộc tân phúc âm hóa, đồng thời cảnh báo những nguy cơ bị bóc lột và đánh mất đức tin nơi đất khách. Đáp lại cách quảng đại đặc sủng Chúa ban, “thánh Scalabrini hướng tới một thế giới và một Giáo hội không còn ranh giới, nơi không ai là người xa lạ.”⁶² Thánh Phanxicô Cabrini, sinh tại Ý, nhập quốc tịch Mỹ, và là người Mỹ đầu tiên được tôn phong hiển thánh. Để chu toàn sứ mạng trợ giúp người di dân, thánh nữ đã nhiều lần vượt Đại Tây Dương. “Với một lòng can đảm phi thường, bà đã khởi sự từ con số không, mở trường học, bệnh viện và nhà mồ côi cho đám đông người nghèo tìm đến tân thế giới để kiếm việc làm. Vì không biết ngôn ngữ và thiếu phương tiện để có được vị thế xứng hợp trong xã hội Hoa Kỳ, họ thường là nạn nhân của những kẻ vô lương tâm. Với tình mẫu tử của ngài, không cho phép ngài nghỉ ngơi, đã vươn tới họ ở khắp nơi: trong các khu ổ chuột, nơi ngục tù và các hầm mỏ.”⁶³ Năm Thánh 1950, Đức Giáo hoàng Piô XII đã công bố thánh nữ Phanxicô Cabrini là Bồn Mạng của tất cả mọi người di dân.⁶⁴

75. Truyền thống của Giáo hội trong việc làm việc cho và với người di dân vẫn tiếp diễn, và ngày nay, sứ vụ này được thể hiện qua các sáng kiến như các trung tâm đón tiếp người tị nạn, các điểm mục vụ tại vùng biên giới, cùng hoạt động của Caritas Quốc Tế và nhiều tổ chức khác nữa. Huấn quyền đương thời tái khẳng định rõ ràng sự dẫn thân này. Đức Giáo hoàng Phanxicô đã nhắc lại rằng sứ mạng của Giáo hội đối với người di dân và người tị nạn thậm chí còn rộng lớn hơn, nhấn mạnh rằng: “câu trả lời của chúng ta trước những thách đố do hiện tượng di dân ngày nay có thể tóm lại trong bốn động từ: đó là đón tiếp, bảo vệ, thăng tiến và hội nhập. Nhưng những động từ này không chỉ áp dụng cho người di dân và người

⁶² Đức Phanxicô, *Bài giảng trong Thánh lễ phong hiển thánh* (9.10.2022): AAS 114 (2022), 1338.

⁶³ Thánh Gioan Phaolô II, *Sứ điệp gửi Hội dòng Nữ tu Truyền giáo Thánh Tâm* (31.5.2000), 3: *L'Osservatore Romano*, 16.7.2000, 5.

⁶⁴ x. Đức Piô XII, *Papal Brief Superior Iam Aetate* (8.9.1950): AAS43 (1951), 455-456.

tị nạn. Chúng thể hiện sứ mệnh của Giáo hội đối với tất cả cư dân ở các vùng ngoại vi hiện sinh, những người phải được đón tiếp, bảo vệ, thăng tiến và hội nhập.”⁶⁵ Ngài còn nói thêm: “Mỗi con người đều là con cái Thiên Chúa! Họ mang hình ảnh của Chúa Kitô! Chính chúng ta cần nhìn thấy, và sau đó giúp người khác nhìn thấy, rằng người di dân và người tị nạn không chỉ là một vấn đề cần giải quyết, mà còn là những anh chị em cần được chào đón, tôn trọng và yêu thương. Họ là cơ hội mà Chúa Quan Phòng ban cho chúng ta để góp phần xây dựng một xã hội công bằng hơn, một nền dân chủ hoàn hảo hơn, một đất nước đoàn kết hơn, một thế giới huynh đệ hơn và một cộng đồng Kitô giáo cởi mở và truyền giáo hơn.”⁶⁶ Như một người mẹ, Giáo hội đồng hành với những ai đang trên đường lữ hành. Nơi nào thế giới nhìn thấy những mối đe dọa, Giáo hội nhìn thấy những đứa con. Nơi nào những bức tường được xây dựng lên, thì Giáo hội xây dựng những cây cầu. Giáo hội biết rằng việc loan báo Tin Mừng của mình chỉ đáng tin cậy khi Giáo hội được thể hiện bằng những cử chỉ gần gũi và chào đón; và rằng nơi mỗi người di dân bị gạt bỏ, thì chính Chúa Kitô đang gõ cửa cộng đồng.

Bên cạnh những người bé mọn nhất

76. Sự thánh thiện Kitô giáo thường nở rộ ở những nơi bị lãng quên và bị tổn thương nhất của nhân loại. Những người nghèo nhất trong số những người nghèo – những người không chỉ thiếu thốn của cải vật chất mà còn thiếu cả tiếng nói và sự công nhận phẩm giá của họ – chiếm một vị trí đặc biệt trong trái tim Thiên Chúa. Họ là những người được Tin mừng yêu thương, là những người thừa hưởng Nước Trời (x. Lc 6,20). Chính nơi họ, Chúa Kitô tiếp tục chịu khổ nạn và phục sinh. Chính nơi họ, Giáo hội tái khám phá ơn gọi của mình là mặc khải thực tại đích thực nhất của mình.

⁶⁵ Đức Phanxicô, *Sứ điệp nhân Ngày Thế giới Di dân và Tị nạn lần thứ 105* (27.5.2019): AAS 111 (2019), 911.

⁶⁶ Đức Phanxicô, *Sứ điệp nhân Ngày Thế giới Di cư và Tị nạn lần thứ 100* (5.8.2013): AAS 105 (2013), 930.

77. Thánh Têrêsa Calcutta, được phong hiển thánh năm 2016, đã trở thành biểu tượng phổ quát của lòng bác ái, sống hết mình vì những người nghèo khổ nhất, những người bị xã hội ruồng bỏ. Là đáng sáng lập Dòng Thừa Sai Bác Ái, mẹ đã dành trọn cuộc đời mình cho những người hấp hối bị bỏ rơi trên đường phố Ấn Độ. Mẹ đón nhận những người bị ruồng bỏ, rửa sạch vết thương của họ, và đồng hành với họ đến hơi thở cuối cùng, với một sự dịu dàng và lời cầu nguyện. Tình yêu của Mẹ dành cho những người nghèo nhất trong số những người nghèo có nghĩa là Mẹ không chỉ chăm lo cho nhu cầu vật chất của họ, mà còn loan báo Tin Mừng cho họ: “Chúng tôi muốn loan báo Tin mừng cho người nghèo, rằng Thiên Chúa yêu thương họ, rằng chúng tôi yêu thương họ, rằng họ là những người thật sự quan trọng đối với chúng tôi, rằng họ cũng được chính bàn tay yêu thương của Thiên Chúa tạo dựng để yêu thương và được yêu thương. Những người nghèo của chúng ta, những con người tuyệt vời của chúng ta, là những con người hoàn toàn xứng đáng được yêu thương.” Họ không cần sự thương hại hay lòng trắc ẩn của chúng ta. Họ cần tình yêu thấu hiểu của chúng ta, họ cần sự tôn trọng của chúng ta, họ cần chúng ta đối xử với họ một cách tôn trọng.”⁶⁷ Tất cả điều ấy phát sinh từ một linh đạo sâu xa, linh đạo nhìn thấy việc phục vụ những người nghèo nhất là hoa trái của cầu nguyện và tình yêu, là nguồn mạch của bình an đích thực, như thánh Gioan Phaolô II nhắc các khách hành hương đến Rôma trong ngày lễ phong chân phước cho mẹ: “Mẹ Têrêsa tìm thấy sức mạnh ở đâu để đặt mình hoàn toàn vào việc phục vụ người khác? Mẹ tìm thấy sức mạnh đó trong lời cầu nguyện và trong sự chiêm ngưỡng thánh lặng của Chúa Giêsu Kitô, Thánh Nhan của Người, Thánh Tâm của Người. Chính mẹ đã nói như vậy: ‘Hoa trái của sự thánh lặng là lời cầu nguyện; hoa trái của lời cầu nguyện là đức tin; hoa trái của đức tin là tình yêu; hoa trái của tình yêu là sự phục vụ.’ Chính lời cầu nguyện đã lấp đầy trái tim của mẹ bằng chính

⁶⁷ Thánh Teresa Calcutta, *Diễn văn nhân dịp trao giải Nobel Hoà bình* (Oslo, 10.12.1979): *Aimer jusqu'à vi avoir mal*, Lyon 2017, 19-20.

sự bình an của Chúa Kitô và giúp bà tỏa sáng sự bình an đó cho tha nhân.”⁶⁸ Mẹ Têrêsa không xem mình là một nhà hảo tâm hay một nhà hoạt động, nhưng là hiền thê của Đức Kitô chịu đóng đinh, yêu thương phục vụ anh chị em đau khổ của mình với tình yêu trọn vẹn.

78. Tại Brasil, thánh Dulce của Người Nghèo, – được mệnh danh là “thiên thần hiền lành của Bahia”, – đã hiện thân cùng một tinh thần Tin mừng với nét đặc thù Brasil. Nhắc đến ngài cùng hai nữ tu khác được phong hiển thánh trong cùng một nghi lễ, Đức Giáo hoàng Phanxicô đã gọi lại tình yêu của các ngài dành cho những người bị gạt ra bên lề nhất của xã hội và nói rằng các tân hiển thánh “cho chúng ta thấy rằng đời thánh hiến là một hành trình tình yêu nơi các vùng ngoại vi hiện sinh của thế giới.”⁶⁹ Nữ tu Dulce đã đáp lại cảnh bấp bênh bằng óc sáng tạo, đáp lại trở ngại bằng sự dịu dàng, đáp lại nhu cầu bằng một đức tin không lay chuyển. Chị bắt đầu bằng việc đón những người bệnh vào một chuồng gà, và từ đó xây dựng nên một trong những mạng lưới xã hội lớn nhất của đất nước. Chị trợ giúp mỗi ngày cho hàng ngàn người, không bao giờ đánh mất sự dịu dàng, trở nên nghèo với người nghèo vì lòng yêu mến Đấng Nghèo Nhất. Chị sống với nhu cầu tối thiểu, chị cầu nguyện sốt sắng và phục vụ với niềm vui tươi. Đức tin của chị không làm chị xa cách thế gian, nhưng đưa chị đi sâu hơn vào nỗi đau của những người hèn mọn nhất.

79. Chúng ta cũng có thể nhắc đến những nhân vật như thánh Bênêđictô Menni cùng các Nữ tu Phục vụ Y tế Thánh Tâm Chúa Giêsu, những người đồng hành với người khuyết tật, thánh Charles de Foucauld giữa các cộng đoàn Sahara, thánh Catarina Drexel cho những nhóm bị thiệt thòi nhất tại Bắc Mỹ, nữ tu Emmanuelle với những người nhặt rác ở khu Ezbet El Nakhl tại Cairo, và còn nhiều người khác nữa. Mỗi vị theo cách riêng của mình đã

⁶⁸ Thánh Gioan Phaolô II, *Diễn văn gửi đến những người hành hương đến Rôma để dự lễ phong chân phước cho Mẹ Teresa* (20.10.2003), 3: *L'Osservatore Romano*, 20-21.10.2003, tr. 10.

⁶⁹ Đức Phanxicô, *Bài giảng trong Thánh lễ phong hiển thánh* (13.10.2019): AAS 111 (2019), 1712.

khám phá rằng người nghèo không chỉ là đối tượng của lòng trắc ẩn, nhưng còn là những người thầy của Tin mừng. Vấn đề không phải là “mang” Chúa đến với họ, nhưng là gặp gỡ Chúa nơi họ. Tất cả những tấm gương này dạy chúng ta rằng, việc phục vụ người nghèo không phải là một cử chỉ được thực hiện “từ trên ban xuống”, mà là một cuộc gặp gỡ giữa những người bình đẳng, nơi Chúa Kitô được tỏ lộ và tôn thờ. Thánh Gioan Phaolô II đã nhắc nhở chúng ta rằng “có một sự hiện diện đặc biệt của Chúa Kitô trong người nghèo, và điều này đòi hỏi Giáo hội phải ưu tiên chọn lựa người nghèo.”⁷⁰ Vì vậy, chính khi Giáo hội cúi mình xuống chăm sóc người nghèo, là Giáo hội đã đặt mình vào vị thế cao nhất.

Các Phong trào Bình dân

80. Chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng, suốt nhiều thế kỷ lịch sử Kitô giáo, việc trợ giúp người nghèo và bênh vực quyền lợi của họ không chỉ do cá nhân, gia đình, cơ sở hay các cộng đoàn thánh hiến đảm nhận. Đã có và đang có nhiều phong trào bình dân gồm các giáo dân và do các *thủ lĩnh bình dân lãnh đạo*, những người thường bị nhìn bằng con mắt nghi ngại và thậm chí bị bách hại. Tôi muốn nói đến “tất cả những người hành trình, không phải với tư cách cá nhân, mà là một cộng đoàn gắn bó chặt chẽ của tất cả và vì tất cả, một cộng đoàn không bỏ rơi người nghèo và những người dễ bị tổn thương... Vậy thì, các nhà lãnh đạo ‘bình dân’ là những người có khả năng quy tụ tất cả mọi người... Họ không xa lánh hay sợ hãi những người trẻ đã trải qua tổn thương hoặc đang mang sức nặng của thập giá.”⁷¹

81. Những nhà lãnh đạo bình dân này biết rằng liên đới “cũng có nghĩa là đấu tranh chống lại các nguyên nhân mang tính cấu trúc của nghèo đói và bất bình đẳng; của tình trạng thiếu việc làm, đất đai và nhà ở; và của sự

⁷⁰ Thánh Gioan Phaolô II, Tông thư *Novo Millennio Ineunte* (6.1.2001), số 49: AAS 93 (2001), 302.

⁷¹ Phanxicô, Tông huấn *Christus Vivit* (25.3.2019), số 231: AAS 111 (2019), 458.

phủ nhận các quyền xã hội và lao động. Nó có nghĩa là đối diện với những tác động tàn phá của đế chế tiền bạc... Liên đới, được hiểu theo nghĩa sâu sắc nhất của nó, là một cách làm nên lịch sử, và đây chính là điều mà các phong trào bình dân đang thực hiện.”⁷² Vì lý do này, khi các định chế khác nhau suy tư về nhu cầu của người nghèo, cần phải “bao gồm các phong trào bình dân và tiếp thêm sinh lực cho các cơ cấu quản lý địa phương, quốc gia và quốc tế bằng dòng năng lực đạo đức tuôn chảy từ việc bao gồm những người bị loại trừ trong việc xây dựng một vận mệnh chung.”⁷³ Thật vậy, các phong trào bình dân mời gọi chúng ta vượt qua “nỗ trượng về các chính sách xã hội là một chính sách dành cho người nghèo, nhưng không bao giờ với người nghèo và không bao giờ của người nghèo, càng không phải là một phần của một dự án có thể gắn kết mọi người lại với nhau.”⁷⁴ Nếu các chính trị gia và các chuyên gia không lắng nghe họ, “nền dân chủ sẽ bị teo tóp, trở thành một khẩu hiệu, một hình thức; nó mất đi tính đại diện và trở nên vô hình, vì nó bỏ rơi người dân trong cuộc đấu tranh hàng ngày của họ cho phẩm giá, trong việc xây dựng tương lai của họ.”⁷⁵ Điều tương tự cũng phải được nói về các định chế của Giáo hội.

CHƯƠNG 4: MỘT LỊCH SỬ VẪN TIẾP DIỄN

Thế kỷ của Học thuyết Xã hội Công giáo

82. Sự gia tăng nhanh chóng của những thay đổi về kỹ thuật công nghệ và xã hội trong hai thế kỷ qua, với tất cả những mâu thuẫn và xung đột của nó, không chỉ tác động đến cuộc sống của người nghèo mà còn trở thành đối tượng tranh luận và suy tư của họ. Các phong trào khác nhau của công nhân, phụ nữ và giới trẻ, cùng với cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng

⁷² Đức Phanxicô, *Diễn văn gửi đến những người tham dự Hội nghị thế giới của các phong trào bình dân* (28.10.2014): AAS 106 (2014), 851-852.

⁷³ Sđd.: AAS 106 (2014), 859.

⁷⁴ Đức Phanxicô, *Diễn văn gửi đến những người tham dự Hội nghị thế giới của các phong trào bình dân* (5.11.2016): *L'Osservatore Romano*, 7-8.11.2016, 5.

⁷⁵ Sđd.

tộc, đã khơi dậy một sự trân trọng mới về phẩm giá của những người bên lề xã hội. Học thuyết Xã hội của Giáo hội cũng xuất hiện từ bối cảnh ấy. Việc phân tích mặc khải Kitô giáo trong bối cảnh các vấn đề xã hội, lao động, kinh tế và văn hóa hiện đại sẽ không thể thực hiện được nếu không có sự đóng góp của giáo dân, cả nam lẫn nữ, là những người đã vật lộn với những vấn đề lớn của thời đại mình. Đồng hành với họ là các nam nữ tu sĩ, những chứng nhân của một Giáo hội đang khai phá những chân trời mới. Thời đại thay đổi mà chúng ta đang đối mặt ngày nay càng khiến sự tương tác liên li giữa các tín hữu và Huấn quyền của Giáo hội, giữa thường dân và giới chuyên gia, giữa người dân và các tổ chức trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Đặc biệt, một lần nữa, cần nhận lại điều này cho rõ là thực tại được nhìn thấy tốt nhất từ bên lề, và người nghèo có một cái nhìn độc đáo không thể thiếu cho Giáo hội cũng như cho toàn thể nhân loại.

83. Huấn quyền Giáo hội trong 150 năm qua là một kho tàng giáo huấn quan trọng thực sự về người nghèo. Các Giám mục Rôma đã cất tiếng cho những trực giác mới được gạn lọc qua tiến trình phân định của Giáo hội. Chẳng hạn, trong Thông điệp *Rerum Novarum*, Đức Lêô XIII đã đề cập đến vấn đề lao động, chỉ ra điều kiện sống không thể chịu đựng được của nhiều công nhân kỹ nghệ và lập luận cho việc thiết lập một trật tự xã hội công bằng. Các Giáo hoàng khác cũng lên tiếng về chủ đề này. Thánh Gioan XXIII, trong Thông điệp *Mater et Magistra* (năm 1961), kêu gọi thực thi công bằng ở tầm mức toàn cầu, các nước giàu không thể đứng dưng trước những quốc gia chịu cảnh đói nghèo cùng cực, nhưng được mời gọi quảng đại trợ giúp họ bằng mọi của cải mình có.

84. Công đồng Vaticanô đánh dấu một cột mốc quan trọng trong sự hiểu biết của Giáo hội về người nghèo trong kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa. Mặc dù chủ đề này vẫn còn nằm ngoài lề trong các văn kiện chuẩn bị, thánh Gioan XXIII, trong Sứ điệp Phát thanh ngày 11 tháng 9 năm 1962, một tháng trước khi khai mạc Công đồng, đã kêu gọi sự chú ý đến vấn đề

này. Bằng những lời đáng nhớ của ngài: “Giáo hội giới thiệu mình là gì và mình mong muốn trở thành gì: là Giáo hội của mọi người, và cách riêng, Giáo hội của người nghèo.”⁷⁶ Những nỗ lực mạnh mẽ của các giám mục, các thần học gia và chuyên gia quan tâm đến việc canh tân Giáo hội – với sự hỗ trợ của chính thánh Gioan XXIII – đã mang lại cho Công đồng một hướng đi mới. Tính trung tâm của Đức Kitô về cả phương diện tín lý lẫn xã hội tỏ ra nền tảng. Nhiều Nghị phụ Công đồng ủng hộ đường hướng này, được Đức Hồng y Lercaro diễn đạt cách hùng hồn trong bài phát biểu vào ngày 6 tháng 12 năm 1962: “Mầu nhiệm Chúa Kitô trong Giáo hội luôn luôn – và cách riêng ngày nay – là mầu nhiệm Chúa Kitô trong người nghèo.”⁷⁷ Ngài còn nói thêm “đây không chỉ là một đề tài giữa nhiều đề tài khác, nhưng theo nghĩa nào đó, là đề tài duy nhất của toàn thể Công đồng.”⁷⁸ Đức Tổng Giám mục Bologna, khi soạn bản văn cho bài phát biểu này đã ghi chú như sau: “Đây là giờ của người nghèo, của hàng triệu người nghèo trên khắp thế giới. Đây là giờ của mầu nhiệm Giáo hội là mẹ của người nghèo. Đây là giờ của mầu nhiệm Chúa Kitô, hiện diện cách đặc biệt nơi người nghèo.”⁷⁹ Cảm thức về nhu cầu một hình ảnh Giáo hội mới đơn sơ và tiết độ hơn bao trùm toàn Dân Thiên Chúa, và sự hiện diện của họ trong lịch sử ngày càng mạnh mẽ. Một Giáo hội giống Chúa của mình hơn các quyền lực thế gian, và nỗ lực thúc đẩy một sự dẫn thân cụ thể của toàn nhân loại để giải quyết vấn đề to lớn là sự nghèo đói trên thế giới.

85. Khi khai mạc khóa thứ II của Công đồng, thánh Phaolô VI đã tiếp nối mối quan tâm này do vị tiền nhiệm của ngài nêu ra, cụ thể là Giáo hội đặc biệt quan tâm đến “người nghèo, người túng thiếu, người đau khổ, người

⁷⁶ Thánh Gioan XXIII, *Sứ điệp phát thanh gửi toàn thể các tín hữu Kitô, một tháng trước khi khai mạc Công đồng chung Vaticanô II* (11.9.1962): AAS 54 (1962), 682.

⁷⁷ G. LERCARO, *Can thiệp tại Đại hội đồng XXXV của Công đồng chung Vaticanô II* (6.12.1962), 2: ASI/IV, 327-328.

⁷⁸ Sđđ., 4: AS I/IV, 329.

⁷⁹ Viện Khoa học Tôn giáo (ed.), *Per la forza dello Spirito. Discorsi conciliari del Card. Giacomo Lercaro*, Bologna 1984, 115.

đói khát, người đau khổ, người bị giam cầm, nghĩa là Giáo hội hướng đến toàn thể nhân loại đang đau khổ và than khóc: Giáo hội thuộc về họ theo quyền Tin mừng.”⁸⁰ Trong buổi tiếp kiến chung ngày 11 tháng 11 năm 1964, ngài đã chỉ ra rằng: “người nghèo là hiện thân của Chúa Kitô,” và so sánh hình ảnh Chúa nơi người nghèo với hình ảnh được thấy nơi Đức Giáo hoàng. Ngài khẳng định chân lý này bằng những lời sau: “Sự hiện thân của Đức Kitô nơi người nghèo là phổ quát, mọi người nghèo đều phản chiếu Đức Kitô, còn nơi Đức Giáo hoàng là cá vị. Người nghèo và Phêrô có thể là một trong cùng một người, khoác hai tư cách, của sự nghèo và của quyền bính.”⁸¹ Bằng cách này, mối liên hệ nội tại giữa Giáo hội và người nghèo đã được diễn tả một cách biểu tượng và minh nhiên chưa từng có.

86. Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, tiếp nối di sản của các Giáo phụ, Công đồng mạnh mẽ tái khẳng định mục đích phổ quát của của cải trần thế và chức năng xã hội của tài sản phát sinh từ đó. Hiến chế viết: “Thiên Chúa đã đặt định mục đích của trái đất và muôn loài trong đó là để mọi người và mọi dân tộc sử dụng, sao cho của cải tạo ra phải được phân phối cho tất cả mọi người một cách hợp lý, theo sự hướng dẫn của luật công bằng đi kèm với đức bác ái.... Khi sử dụng của cải, con người phải coi tài sản mà mình sở hữu một cách chính đáng không chỉ là của riêng mình, nhưng còn là của chung, nghĩa là của cải đó có thể sinh ích không những cho riêng mình mà còn cho cả người khác. Mặt khác, mọi người đều có quyền nhận được phần của cải đủ sống cho mình và cho gia đình... Về phần những người đang phải sống trong cảnh cùng quẫn cực độ, họ có quyền nhận được từ sự giàu có của người khác những gì cần thiết để sinh sống... Quyền tư hữu tự bản chất cũng đã có tính cách xã hội, đặt nền tảng trên quyền chung hưởng của cải. Nếu tính cách xã hội này không được tôn trọng thì quyền sở hữu dễ trở

⁸⁰ Thánh Phaolô VI, *Diễn văn khai mạc trọng thể Khóa họp thứ hai của Công đồng chung Vaticanô II* (29.9.1963): AAS 55 (1963) 857.

⁸¹ Thánh Phaolô VI, *Bài Giáo lý* (11.11.1964): *Insegnamenti di Paolo VI*, II (1964), 984.

thành nguy cơ đưa đến tham lam và gây xáo trộn trầm trọng.”⁸² Xác tín này đã được thánh Phaolô VI nêu lại trong Thông điệp *Populorum Progressio* của ngài. Ở đó, ngài nói với chúng ta rằng không ai được tự cho mình quyền “chiếm hữu của cải dư thừa chỉ để dùng riêng cho mình, trong khi những kẻ khác thiếu những nhu cầu tối thiểu của đời sống.”⁸³ Trong bài diễn văn tại Liên Hiệp Quốc, Đức Phaolô VI đã phát biểu với tư cách là người bênh vực người nghèo⁸⁴ và thúc giục cộng đồng quốc tế xây dựng một thế giới huynh đệ liên đới.

87. Với thánh Gioan Phaolô II, ít nhất là trên bình diện giáo lý, mối liên hệ ưu tiên của Giáo hội đối với người nghèo đã được củng cố. Thực vậy, Giáo huấn của ngài đã nhìn nhận rằng việc chọn lựa người nghèo là một “hình thức ưu tiên đặc biệt trong việc thực thi bác ái Kitô giáo, điều mà toàn thể truyền thống của Giáo hội làm chứng.”⁸⁵ Trong Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis*, ngài viết tiếp: “Hơn nữa, ngày nay, xét theo chiều kích toàn cầu mà vấn đề xã hội đã đảm nhận, tình yêu thương ưu tiên dành cho người nghèo này, và những quyết định mà nó gợi hứng cho chúng ta, không thể không bao gồm vô số người đói khát, người túng thiếu, người vô gia cư, những người không được chăm sóc y tế, và trên hết, những người không có hy vọng về một tương lai tốt đẹp hơn. Chúng ta không thể không thừa nhận sự hiện hữu của những thực tại này. Phớt lờ chúng có nghĩa là trở nên giống như ‘người phú hộ’ giả vờ không biết đến kẻ ăn xin Ladarô đang nằm ngay trước cổng nhà mình (x. *Lc* 16,19-31).”⁸⁶ Giáo huấn của thánh Gioan Phaolô II về lao động cũng quan trọng cho việc suy xét vai trò tích cực mà người nghèo phải có trong việc canh tân Giáo hội và xã hội để vượt ra khỏi một kiểu “gia trưởng” chỉ dừng lại ở việc thỏa mãn tức thời nhu

⁸² Công đồng chung Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, số 69 và số 71.

⁸³ Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26.3.1967), số 23: AAS 59 (1967), 269.

⁸⁴ x. Sđd., số 4: AAS 59 (1967), 259.

⁸⁵ Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30.12.1987), số 42: AAS 80 (1988), 572.

⁸⁶ Sđd., AAS 80 (1988), 573.

cầu của người nghèo. Trong Thông điệp *Laborem Exercens*, ngài khẳng định không quanh co rằng “lao động của con người là một chìa khóa, có lẽ là chìa khóa thiết yếu, của toàn bộ vấn đề xã hội.”⁸⁷

88. Giữa muôn khủng hoảng đánh dấu đầu thiên niên kỷ thứ ba, giáo huấn của Đức Bênêđictô XVI mang lấy một sắc thái chính trị rõ hơn. Trong Thông điệp *Caritas in Veritate*, ngài xác nhận rằng: “Chúng ta càng nỗ lực bảo đảm một thiện ích chung tương xứng với những nhu cầu thực sự của tha nhân bao nhiêu, thì chúng ta càng yêu thương họ cách hiệu quả bấy nhiêu.”⁸⁸ Ngài còn nhận xét thêm: “Tình trạng nghèo đói không lệ thuộc vào sự thiếu thốn vật chất cho bằng sự thiếu thốn về những tài nguyên xã hội, mà quan trọng nhất là cơ chế. Nói cách khác, cái thiếu sót là một mạng lưới các cơ chế kinh tế, có khả năng bảo đảm việc chuyển đạt đều đặn những phẩm vật dinh dưỡng quan trọng như nước và lương thực, cũng như có thể giải quyết những nhu cầu cơ bản và khẩn cấp, thường xảy ra trong trường hợp khủng hoảng lương thực thật sự; các khủng hoảng này có thể do các nguyên nhân tự nhiên hay cũng có thể do sự thiếu trách nhiệm về mặt chính trị quốc gia hay quốc tế”⁸⁹

89. Đức Giáo hoàng Phanxicô ghi nhận rằng trong các thập niên gần đây, bên cạnh các giáo huấn của các Giám mục Rôma, thì các Hội đồng Giám mục quốc gia và khu vực ngày càng lên tiếng mạnh mẽ. Chẳng hạn, ngài đích thân làm chứng về sự dấn thân đặc thù của hàng Giám mục Mỹ châu Latinh, trong việc suy nghĩ lại mối tương quan của Giáo hội với người nghèo. Thời hậu Công đồng, tại hầu hết các quốc gia thuộc Mỹ châu Latinh, có một cảm thức mạnh mẽ rằng, Giáo hội cần tự đồng hóa với người nghèo và tích cực tham dự vào việc bảo vệ tự do của họ. Giáo hội được đánh động bởi con số đông đảo người nghèo đang chịu cảnh thất

⁸⁷ Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem Exercens* (14.9.1981), số 3: AAS 73 (1981), 584.

⁸⁸ Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29.6.2009), số 7: AAS 101 (2009), 645.

⁸⁹ Sđđ., số 27: AAS 101 (2009), 661.

nghiệp, việc làm bấp bênh, đồng lương bất tương xứng, và điều kiện sống dưới mức tiêu chuẩn. Cuộc tử đạo của thánh Oscar Romero, Tổng Giám mục San Salvador, đồng thời là một chứng tá và một lời khích lệ sống động cho Giáo hội. Ngài cảm nhận như chính mình về bi kịch của đại đa số các tín hữu, và đặt họ vào trung tâm các lựa chọn mục vụ của mình. Các Hội nghị của Hội đồng Giám mục Mỹ châu Latinh tại Medellín, Puebla, Santo Domingo và Aparecida, cũng là những biến cố quan trọng cho đời sống của toàn thể Giáo hội. Bản thân tôi, sau nhiều năm làm nhà truyền giáo tại Peru, mang ơn rất nhiều về tiến trình phân định của Giáo hội này, mà Đức Giáo hoàng Phanxicô đã khéo léo kết nối với tiến trình của các Giáo hội địa phương khác, đặc biệt là các Giáo hội ở miền Nam Bán cầu. Giờ đây, tôi muốn trở lại hai chủ đề cụ thể của huấn quyền giám mục này.

Cấu trúc tội lỗi tạo ra tình trạng nghèo đói cùng cực và bất bình đẳng

90. Tại Medellín, các giám mục đã tuyên bố ủng hộ một lựa chọn ưu tiên cho người nghèo: “Chúa Kitô, Đấng Cứu Độ chúng ta, không chỉ yêu thương người nghèo, mà ‘vốn giàu có, Người đã trở nên nghèo khó.’ Người đã sống một cuộc đời nghèo khó, tập trung sứ mạng của mình vào việc rao giảng sự giải thoát cho họ, và thiết lập Giáo hội của Người, như một dấu chỉ của sự nghèo khó này giữa chúng ta... Sự nghèo khó của rất nhiều anh chị em chúng ta đòi hỏi công lý, tình liên đới, chứng tá, dẫn thân, nỗ lực và tự hoàn thiện để sứ mạng cứu độ mà Chúa Kitô giao phó cho chúng ta có thể được hoàn thành trọn vẹn.”⁹⁰ Các Giám mục khẳng định mạnh mẽ rằng, để hoàn toàn trung thành với ơn gọi của mình, Giáo hội không chỉ phải chia sẻ hoàn cảnh của người nghèo mà còn phải đặt mình bên cạnh họ, và tích cực dẫn thân cho sự tiến bộ toàn diện của họ. Đối mặt với tình trạng nghèo đói ngày càng trầm trọng ở Mỹ châu Latinh, Hội nghị Puebla đã xác nhận các quyết định của Medellín ủng hộ một lựa

⁹⁰ Đại Hội đồng Giám mục Mỹ châu Latinh lần thứ hai, *Tài liệu Medellín* (24.10.1968), 14, n. 7: Celam, Medellín. *Conclusiones*, Lima 2005, 131-132.

chọn thẳng thắn và mang tính ngôn sứ dành cho người nghèo và mô tả các cơ cấu bất công là một “tội lỗi xã hội”.

91. Đức ái có sức biến đổi thực tại; nó là một động lực đích thực cho sự thay đổi trong lịch sử. Nó là nguồn cảm hứng và dẫn dắt mọi nỗ lực “giải quyết các nguyên nhân cấu trúc của đói nghèo”⁹¹ và phải thực hiện một cách khẩn trương. Do đó, tôi hy vọng “số lượng các chính trị gia có khả năng tham gia vào một cuộc đối thoại chân thực, giải quyết hiệu quả tận gốc rễ chứ không phải chỉ bề ngoài, của những tệ nạn trên thế giới.”⁹² Bởi vì “đó là lắng nghe tiếng kêu của toàn thể các dân tộc, của những dân tộc nghèo nhất trên địa cầu.”⁹³

92. Do đó, chúng ta cần phải tiếp tục lên án “chế độ độc tài của một nền kinh tế giết người” và thừa nhận rằng “trong khi lợi ích của một số ít tăng theo cấp số nhân, thì lợi ích của đa số ngày càng xa rời phúc lợi của thiểu số hạnh phúc này. Sự mất cân bằng này bắt nguồn từ các hệ tư tưởng bảo vệ quyền tự chủ tuyệt đối của thị trường và đầu cơ tài chính. Do đó, chúng phủ nhận quyền kiểm soát của các quốc gia có nhiệm vụ bảo vệ lợi ích chung. Một chế độ chuyên chế mới đang ra đời, vô hình và thường là ảo, đơn phương và không ngừng áp đặt luật lệ và quy tắc của riêng mình.”⁹⁴ Tuy nhiên, phẩm giá của mỗi con người phải được tôn trọng hôm nay, chứ không phải ngày mai, và sự nghèo đói cùng cực của tất cả những người bị tước đoạt phẩm giá này nên luôn đè nặng lên lương tâm chúng ta.

93. Trong Thông điệp *Dilexit Nos*, Đức Giáo hoàng Phanxicô đã nhắc lại rằng tội lỗi xã hội hình thành như một “cấu trúc tội lỗi” trong xã hội, “thường bắt nguồn từ một não trạng thống trị, những gì thực chất chỉ là sự ích kỷ và thờ ơ lại được xem là bình thường hay là hợp lý nữa. Hiện tượng

⁹¹ Đức Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), số 202: AAS 105 (2013), 1105.

⁹² Sđd., số 205: AAS 105 (2013), 1106.

⁹³ Sđd., số 190: AAS 105 (2013), 1099.

⁹⁴ Sđd., số 56: AAS 105 (2013), 1043.

này có thể được định nghĩa như là sự tha hóa xã hội.”⁹⁵ Việc phớt lờ người nghèo và sống như thể họ không hề tồn tại lại trở thành điều bình thường. Tương tự, việc tổ chức nền kinh tế dường như là một lựa chọn hợp lý, bằng cách yêu cầu sự hy sinh của người dân, chỉ để nhằm đạt được những mục tiêu nhất định mà người có quyền lực quan tâm. Trong khi đó, người nghèo chỉ được hứa hẹn những “miếng bánh vụn” sẽ rơi xuống, cho đến khi một cuộc khủng hoảng toàn cầu mới đưa họ trở lại tình trạng trước đây. Đây là một sự tha hóa đích thực, dẫn đến việc chỉ tìm kiếm những lời bào chữa lý thuyết, mà không tìm cách giải quyết những vấn đề cụ thể của những người đang đau khổ. Thánh Gioan Phaolô II đã nói: “Một xã hội bị tha hóa [*vonng thân*], khi các hình thức tổ chức xã hội, các hình thức sản xuất và tiêu thụ, xã hội đó lại làm cho sự thực hiện việc công hiến này và việc xây dựng tình liên đới giữa con người với nhau trở nên khó khăn hơn.”⁹⁶

94. Chúng ta cần dẫn thân ngày càng mạnh mẽ để giải quyết các nguyên nhân cơ cấu của nghèo. Đây là một nhu cầu cấp bách “không thể bị trì hoãn, không chỉ vì lý do thực dụng là sự cấp bách của nó đối với trật tự tốt đẹp của xã hội, mà còn vì xã hội cần được chữa khỏi căn bệnh đang làm nó suy yếu và thất bại và chỉ có thể dẫn tới những khủng hoảng mới. Các chương trình an sinh xã hội đáp ứng được một số nhu cầu khẩn cấp, nhưng chỉ được coi là những giải pháp tạm thời.”⁹⁷ Tôi chỉ có thể lặp lại rằng “bất bình đẳng chính là cội rễ của các tệ nạn xã hội.”⁹⁸ Thật vậy “người ta thường thấy rõ là trên thực tế nhân quyền không bình đẳng cho tất cả mọi người.”⁹⁹

95. Thực tế là, “mô hình hiện thời, với sự nhấn mạnh vào thành công và khả năng tự lập, dường như không ủng hộ việc đầu tư vào các nỗ lực giúp

⁹⁵ Đức Phanxicô, Thông điệp *Dilexit Nos* (24.10.2024), số 183: AAS 116 (2024), 1427.

⁹⁶ Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1.5.1991), số 41: AAS 83 (1991), 844-845.

⁹⁷ Đức Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), số 202: AAS 105 (2013), 1105.

⁹⁸ Sđd.

⁹⁹ Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), số 22: AAS 112 (2020), 976.

đỡ những người chậm chạp, yếu đuối hoặc kém tài năng tìm kiếm cơ hội trong cuộc sống.”¹⁰⁰ Những câu hỏi tương tự cứ liên tục xuất hiện trong đầu chúng ta. Liệu điều này có nghĩa là những người kém tài năng không phải là con người chẳng? Hay những người yếu đuối không có cùng phẩm giá như chúng ta sao? Liệu những người sinh ra với ít cơ hội hơn có giá trị thấp hơn với tư cách là con người không? Liệu họ có nên chỉ giới hạn bản thân trong việc tồn tại sao? Giá trị xã hội của chúng ta và tương lai của chính chúng ta tùy thuộc câu trả lời cho các câu hỏi này. Hoặc chúng ta phục hồi phẩm giá luân lý và thiêng liêng của mình, hoặc sa vào vũng lầy. Nếu không dừng lại và nghiêm túc coi trọng vấn đề này, chúng ta sẽ tiếp tục công khai hay ngầm ngầm “hợp thức hóa mô hình phân phối hiện nay nơi một thiểu số cho rằng mình có quyền tiêu thụ theo một cách không bao giờ có thể phổ quát vì trái đất cũng không thể chứa nổi rác thải của kiểu tiêu thụ ấy.”¹⁰¹

96. Trong số những vấn đề về cấu trúc không thể giải quyết từ trên xuống và cần phải được giải quyết càng nhanh càng tốt, có vấn đề về địa điểm, không gian, nhà cửa và thành phố nơi người nghèo sinh sống và đi lại. Chúng ta biết: “Thật đẹp biết bao những thành phố vượt qua được sự ngột ngạt không lành mạnh và hòa nhập những người khác biệt, biến sự hòa nhập này thành một yếu tố phát triển mới! Thật đẹp biết bao những thành phố mà chính kiến trúc của chúng chứa đầy những không gian kết nối mọi người lại với nhau, kết nối họ và thúc đẩy sự công nhận lẫn nhau.”¹⁰² Tuy nhiên cùng lúc “chúng ta không thể không xét đến các tác động của suy thoái môi sinh, các mô hình phát triển hiện nay và nền văn hóa loại bỏ trên

¹⁰⁰ Đức Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), số 209: AAS 105 (2013), 1107.

¹⁰¹ Đức Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24.5.2015), số 50: AAS 107 (2015), 866.

¹⁰² Đức Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), số 210: AAS 105 (2013), 1107.

đời sống con người.”¹⁰³ Bởi vì “sự suy thoái của môi trường và xã hội tác hại đến những người mong manh nhất trên địa cầu.”¹⁰⁴

97. Do đó, tất cả mọi thành viên Dân Thiên Chúa có bổn phận phải lên tiếng, dù bằng nhiều cách khác nhau, để lên tiếng, lên án, thậm chí có nguy cơ bị coi là “ngây thơ”. Các cơ cấu bất công phải được nhận diện và phá hủy bằng sức mạnh của sự thiện, bằng sự thay đổi não trạng, nhưng cũng phải, với sự trợ giúp của khoa học và công nghệ, bằng việc phát triển các chính sách hiệu quả để biến đổi xã hội. Không bao giờ được quên rằng sứ điệp Tin mừng không chỉ liên hệ đến tương quan cá vị của một người với Chúa mà còn liên quan đến một điều lớn hơn “Nước Thiên Chúa” (x. *Lc 4,43*); đó là sứ điệp về việc yêu mến Thiên Chúa, Đấng ngự trị trong thế giới của chúng ta. Theo mức độ mà Người ngự trị trong chúng ta, đời sống xã hội sẽ là môi trường cho tình huynh đệ phổ quát, công lý, hòa bình và phẩm giá. Do đó, cả lời rao giảng và đời sống Kitô giáo đều phải tác động đến xã hội. Chúng ta đang tìm kiếm Nước Thiên Chúa.”¹⁰⁵

98. Cuối cùng, trong một văn kiện ban đầu không được mọi người đón nhận nồng nhiệt, chúng ta tìm thấy một suy tư vẫn còn giá trị thời sự hôm nay: “Những người bảo vệ chính thống thỉnh thoảng bị cáo buộc là thụ động, dung túng hay đồng lõa có lỗi trước các hoàn cảnh bất công không thể chịu nổi và các chế độ chính trị kéo dài chúng. Sự hoán cải thiêng liêng, lòng mến nồng nàn đối với Thiên Chúa và tha nhân, nhiệt tâm cho công lý và hòa bình, ý nghĩa Tin mừng của người nghèo và của sự nghèo khó được đòi hỏi nơi mọi người, và đặc biệt, nơi những vị mục tử và những người có trách nhiệm. Mỗi bận tâm đến sự tinh tuyền của đức tin không phải là không quan tâm đến việc đáp lại, thông qua một đời sống thần học toàn

¹⁰³ Đức Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24.5.2015), số 43: AAS 107 (2015), 863.

¹⁰⁴ *Sđđ.*, số 48: AAS 107 (2015), 865.

¹⁰⁵ Đức Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), số 180: AAS 105 (2013), 1095.

diện, bằng một chứng tá hữu hiệu về việc phục vụ tha nhân, và đặc biệt là người nghèo và người bị áp bức.”¹⁰⁶

Người nghèo như một chủ thể

99. Sức sống của Giáo hội hoàn vũ được làm phong phú nhờ sự phân định của Hội nghị Aparecida, nơi các Giám mục Mỹ châu Latinh làm rõ rằng, chọn lựa ưu tiên cho người nghèo của Giáo hội “được ghi khắc trong đức tin Kitô học vào Thiên Chúa, Đấng đã trở nên nghèo khó vì chúng ta, để làm cho chúng ta nên giàu có bằng sự nghèo khó của Người.”¹⁰⁷ Văn kiện Aparecida đặt sứ mạng của Giáo hội vào bối cảnh hiện tại của một thế giới toàn cầu hóa được đánh dấu bởi những mất cân bằng mới đầy kịch tính.¹⁰⁸ Trong Sứ điệp kết thúc, các Giám mục viết: “Sự chênh lệch rõ rệt giữa người giàu và người nghèo mời gọi chúng ta nỗ lực hơn nữa, để trở thành những môn đệ biết dọn bàn tiệc sự sống cho tất cả mọi người, bàn tiệc của tất cả con cái Chúa Cha, một bàn tiệc cởi mở và bao gồm, nơi không ai bị loại trừ. Vì thế, chúng tôi tái khẳng định chọn lựa ưu tiên và mang tính Tin mừng dành cho người nghèo.”¹⁰⁹

100. Đồng thời, Văn kiện này, đào sâu một chủ đề đã được trình bày trong các Hội nghị trước đây của các Giám mục Mỹ châu Latinh, khi nhấn mạnh cần coi các cộng đoàn bị gạt ra bên lề như *những chủ thể* có khả năng kiến tạo văn hóa của chính mình, chứ không phải như *các đối tượng* của lòng bác ái từ phía người khác. Điều này có nghĩa là các cộng đoàn ấy có quyền đón nhận Tin mừng, cử hành và thông truyền đức tin của mình phù hợp với

¹⁰⁶ Bộ Giáo lý Đức tin, *Huấn thị về một số khía cạnh của “Thần học Giải phóng”* (6.8.1984) XI, 18: AAS 76 (1984), 907-908.

¹⁰⁷ Đại hội đồng lần thứ năm của các Giám mục Mỹ châu Latinh và Caribe, *Văn kiện Aparecida*, (29.6.2007), số 392, Bogotá 2007, trang 179-180. x. Đức Bênêđictô XVI, *Diễn văn tại Phiên họp khai mạc Đại Hội đồng lần thứ năm của các Giám mục Mỹ châu Latinh và Caribe* (13.5.2007), 3: AAS 99 (2007), 450.

¹⁰⁸ x. Đại hội đồng lần thứ năm của các Giám mục Mỹ châu Latinh và Caribe, *Tài liệu Aparecida* (29.6.2007), nn. 43-87, tr. 31-47.

¹⁰⁹ Đại hội đồng lần thứ năm của các Giám mục Mỹ châu Latinh và Caribe, *Sứ điệp cuối cùng* (29.5.2007), số 4, Bogotá 2007, trang 275.

các giá trị hiện diện trong nền văn hóa riêng của họ. Kinh nghiệm nghèo khó giúp họ nhận ra những khía cạnh của thực tại mà người khác không nhìn thấy, vì thế xã hội cần lắng nghe họ. Điều này cũng đúng cho Giáo hội, Giáo hội phải nhìn tích cực việc thực hành đức tin “bình dân” của họ. Một đoạn rất đẹp trong Văn kiện Aparecida giúp chúng ta suy gẫm điểm này và cung cách đáp trả: “Chỉ có sự gần gũi làm chúng ta trở nên bạn hữu mới cho phép chúng ta cảm nếm sâu xa các giá trị hôm nay của người nghèo, những ước muốn chính đáng của họ và lối sống đức tin của riêng họ... Ngày qua ngày, người nghèo trở thành tác nhân của việc loan báo Tin mừng và thăng tiến con người toàn diện: họ giáo dục con cái trong đức tin, tham gia vào tình liên đới liên tục giữa người thân và láng giềng, không ngừng tìm kiếm Thiên Chúa, và làm cho hành trình của Giáo hội thêm sức sống. Dưới ánh sáng Tin mừng, chúng ta nhận ra phẩm giá vô biên và giá trị thánh thiêng của họ trong mắt Chúa Kitô, Đấng đã nghèo khó như họ và bị loại trừ giữa họ. Khởi đi từ kinh nghiệm đức tin này, chúng ta sẽ cùng họ bảo vệ các quyền lợi của họ.”¹¹⁰

101. Tất cả những điều này hàm ý sự hiện diện của một khía cạnh trong lựa chọn dành cho người nghèo mà chúng ta phải luôn ghi nhớ: lựa chọn này đòi hỏi chúng ta quan tâm đến người khác. “Sự chăm chú đầy yêu thương này là khởi điểm của một mối bận tâm chân thật cho con người của họ là điều thúc đẩy tôi cách hiệu quả tìm kiếm điều thiện hảo cho họ. Điều ấy đòi ta biết trân trọng người nghèo trong điều thiện nơi họ, trong kinh nghiệm sống của họ, trong văn hóa của họ và trong cách sống đức tin của họ. Tình yêu chân thật luôn có tính chiêm niệm, cho phép ta phục vụ người khác không vì nhu cầu hay hư danh nhưng vì nơi người ấy có vẻ đẹp vượt quá bề ngoài... Chỉ trên nền tảng của sự gần gũi thực sự và chân thành này chúng ta mới có thể đồng hành đúng đắn với người nghèo trên con đường

¹¹⁰ Đại Hội đồng lần thứ năm của các Giám mục Mỹ châu Latinh và Caribe, *Văn kiện Aparecida* (29.6.2007), số 398, tr. 182.

giải phóng của họ.”¹¹¹ Vì thế, tôi bày tỏ lòng biết ơn chân thành với tất cả những ai đã chọn sống giữa người nghèo, không chỉ thỉnh thoảng ghé thăm nhưng sống với họ như họ. Quyết định như thế phải được coi là một trong những hình thức cao cả nhất của đời sống Tin mừng.

102. Dưới ánh sáng này, rõ ràng là tất cả chúng ta phải “để mình được được người nghèo Phúc âm hóa”¹¹² và nhìn nhận “sự khôn ngoan nhiệm mầu mà Thiên Chúa muốn chia sẻ với chúng ta qua họ.”¹¹³ Lớn lên trong hoàn cảnh hết sức bấp bênh, học cách sinh tồn trong những điều kiện khắc nghiệt nhất, tin tưởng vào Thiên Chúa với sự chắc chắn rằng, không ai khác coi trọng họ, giúp đỡ lẫn nhau trong những khoảnh khắc đen tối nhất, người nghèo đã học được nhiều điều mà họ giữ trong sự huyền nhiệm của trái tim mình. Những ai trong chúng ta chưa có những kinh nghiệm tương tự về một cuộc sống sống bên bờ vực, chắc chắn có nhiều điều để đón nhận từ nguồn khôn ngoan đó là kinh nghiệm của người nghèo. Chỉ khi đem lời than vãn của mình so sánh với những đau khổ và thiếu thốn của họ, chúng ta mới cảm được một lời sửa dạy có thể thách đố mình sống đơn sơ hơn.

CHƯƠNG 5: MỘT THÁCH ĐỐ TRƯỜNG KỲ

103. Tôi đã chọn nhắc lại lịch sử lâu đời về việc Giáo hội chăm sóc người nghèo và với người nghèo để làm rõ rằng điều này luôn là một phần trọng tâm trong đời sống của Giáo hội. Thật vậy, việc chăm sóc người nghèo là một phần của Truyền thống vĩ đại của Giáo hội, như một ngọn hải đăng của ánh sáng Tin mừng để soi sáng tâm hồn và dẫn dắt các quyết định của Kitô hữu trong mọi thời đại. Đó là lý do tại sao chúng ta phải cảm thấy có trách nhiệm mời gọi mọi người chia sẻ ánh sáng và cuộc sống nảy sinh từ việc nhận ra Chúa Kitô nơi khuôn mặt của những người đau khổ và những người túng thiếu. Tình yêu dành cho người nghèo là một yếu tố thiết yếu

¹¹¹ Đức Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), số 199: AAS 105 (2013), 1103-1104.

¹¹² Sđd., số 198: AAS 105 (2013), 1103.

¹¹³ Sđd.

trong lịch sử Thiên Chúa đối xử với chúng ta; tình yêu này xuất phát từ trái tim của Giáo hội như một lời kêu gọi liên tục đến trái tim của các tín hữu, từng người và trong cộng đoàn. Như Thân Mình Chúa Kitô, Giáo hội trải nghiệm cuộc sống của người nghèo như chính “xác thịt” của mình, vì họ có một vị trí đặc quyền trong dân Thiên Chúa đang lữ hành. Do đó, tình yêu dành cho người nghèo – dù sự nghèo khó của họ có hình thức nào – là dấu ấn Tin mừng của một Giáo hội trung thành với trái tim của Thiên Chúa. Thật vậy, một trong những ưu tiên của mọi phong trào canh tân trong Giáo hội luôn là mối quan tâm ưu tiên dành cho người nghèo. Theo nghĩa này, công việc của Giáo hội với người nghèo khác biệt về nguồn cảm hứng và phương pháp so với công việc của bất cứ tổ chức nhân đạo nào khác.

104. Không một Kitô hữu nào có thể chỉ xem người nghèo như một vấn đề xã hội; họ là một phần của “gia đình” chúng ta. Họ là “một người trong chúng ta”. Mối tương giao của chúng ta với người nghèo cũng không thể bị giản lược thành một hoạt động hay chức năng khác của Giáo hội. Theo Văn kiện Aparecida: “chúng ta được mời gọi dành thời gian cho người nghèo, dành cho họ sự quan tâm yêu thương, lắng nghe họ với sự quan tâm, sát cánh bên họ trong những lúc khó khăn, chọn dành hàng giờ, hàng tuần hoặc hàng năm trời với họ, và nỗ lực biến đổi hoàn cảnh của họ, bắt đầu từ chính họ. Chúng ta không thể quên rằng đây chính là điều Chúa Giêsu đã đề ra trong hành động và lời nói của Người”¹¹⁴

Người Samari nhân hậu, thêm một lần nữa

105. Nền văn hóa thịnh hành vào đầu thiên niên kỷ này có xu hướng bỏ mặc người nghèo cho số phận của họ, coi họ không đáng được quan tâm, chứ đừng nói đến việc tôn trọng họ. Đức Giáo hoàng Phanxicô, trong Thông điệp *Fratelli Tutti* mời chúng ta suy niệm về dụ ngôn Người Samari

¹¹⁴ Đại hội đồng lần thứ năm của các Giám mục Mỹ châu Latinh và Caribe, Văn kiện Aparecida (29.6.2007), số 397, tr. 182.

nhân hậu (x. Lc 10,25-37), nơi đó trình bày những phản ứng khác nhau trước cảnh một người bị thương nằm bên vệ đường. Chỉ người Samari dừng lại và chăm sóc. Đức Phanxicô chất vấn mỗi người chúng ta: “Bạn đồng hóa mình với ai? Đây là câu hỏi thẳng thắn, trực tiếp và sâu sắc. Trong những nhân vật này bạn giống ai? Chúng ta phải nhận biết cơn cám dỗ dai dẳng đeo bám chúng ta, đó là cơn cám dỗ không lưu tâm đến người khác, đặc biệt là những người hèn yếu nhất. Quả thật, chúng ta đã tiến bộ trên nhiều lĩnh vực, nhưng lại mù tịt về việc đồng hành, chăm sóc và hỗ trợ những người yếu đuối và dễ bị tổn thương nhất trong xã hội phát triển ngày nay. Chúng ta đã quen nhìn chỗ khác, bỏ qua và không biết đến những hoàn cảnh chung quanh cho đến lúc chúng trực tiếp chạm đến chúng ta.”¹¹⁵

106. Câu chuyện về Người Samari nhân hậu vẫn rất hợp thời hôm nay. “Khi tôi gặp một người ngủ ngoài trời trong một đêm giá lạnh giữa thời tiết xấu, tôi có thể nhìn sinh thể trong cuộn vải ấy như một phiền nhiễu bất chợt, một thứ lười nhác ăn hại, một vật cản trên đường mình đi, một mũi tiêm chích khó chịu vào lương tâm tôi, một vấn đề mà các chính trị gia phải giải quyết, hoặc thậm chí có thể đó là một thứ rác rưởi làm nhơ bẩn nơi công cộng. Hoặc tôi có thể đáp lại với đức tin và đức ái, và nhìn thấy người ấy là một con người với một phẩm giá giống như của tôi, một thụ tạo được Chúa Cha yêu thương vô cùng, một hình ảnh của Thiên Chúa, một anh chị em được Đức Kitô cứu chuộc. Làm Kitô hữu là như thế đó! Hoặc ta có thể hiểu sự thánh thiện mà không có sự nhìn nhận sinh động về phẩm giá của mỗi con người được không?”¹¹⁶ Người Samaritanô nhân hậu đã làm gì?

107. Những câu hỏi ấy lại càng khẩn thiết khi đối diện một căn bệnh nghiêm trọng trong đời sống xã hội và ngay trong các cộng đoàn Kitô hữu. Nhiều hình thức thờ ơ mà chúng ta thấy xung quanh thực chất là “dấu

¹¹⁵ Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), số 64: AAS 112 (2020), 992.

¹¹⁶ Đức Phanxicô, Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19.3.2018), số 98: AAS 110 (2018), 1137.

hiệu của một cách tiếp cận cuộc sống đang lan rộng theo nhiều cách thức tinh vi khác nhau. Hơn nữa, vì chúng ta bận tâm đến những nhu cầu của riêng mình, việc nhìn thấy một người đang đau khổ khiến chúng ta lo lắng. Nó khiến chúng ta bất an, vì chúng ta không có thời gian để lãng phí cho những vấn đề của người khác. Đây là những triệu chứng của một xã hội không lành mạnh. Một xã hội tìm kiếm sự thịnh vượng nhưng lại quay lưng lại với đau khổ. Xin cho chúng ta đừng sa vào vực sâu như vậy! Chúng ta hãy nhìn vào tấm gương của Người Samaritanô nhân hậu.”¹¹⁷ Lời kết của dụ ngôn Tin mừng: “Ông hãy đi, và cũng hãy làm như vậy” (Lc 10,37), chính là một lệnh truyền mà mỗi Kitô hữu phải ghi lòng mỗi ngày.

Một thách đố Giáo hội hôm nay không thể lẩn tránh

108. Vào một thời điểm đặc biệt quan trọng trong lịch sử Giáo hội tại Rôma, khi các thể chế đế quốc đang sụp đổ dưới áp lực của những cuộc xâm lược của quân man di, thánh giáo hoàng Grêgôriô Cả cảm thấy cần phải nhắc nhở các tín hữu: “Giây phút nào chúng ta cũng có thể tìm thấy một Ladarô nếu chúng ta chịu tìm kiếm, và mỗi ngày, ngay cả khi không tìm kiếm, chúng ta vẫn thấy một người tại cửa nhà mình. Bây giờ những người ăn xin vây quanh chúng ta, cầu xin bố thí; sau này họ sẽ là những người bênh vực cho chúng ta... Vì thế, đừng bỏ lỡ cơ hội làm các việc bác ái; đừng bỏ phí những điều thiện hảo bạn đang có mà không sử dụng.”¹¹⁸ Thánh Grêgôriô Cả mạnh mẽ tố giác các thành kiến đương thời chống người nghèo, kể cả quan niệm cho rằng họ tự chuốc lấy cảnh ngộ của mình: “Bất cứ khi nào bạn thấy người nghèo làm điều gì đó đáng chê trách, thì cũng đừng coi thường hoặc bất tín nhiệm nơi họ, bởi vì ngọn lửa của sự nghèo đói có lẽ đang thanh tẩy các hành động tội lỗi của họ, dù chúng nhỏ bé đến đâu.”¹¹⁹ Không ít lần sự sung túc làm chúng ta mù lòa

¹¹⁷ Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), số 65-66: AAS 112 (2020), 992.

¹¹⁸ Thánh Grêgôriô Cả, *Homilia* 40, 10: SC 522, Paris 2008, 552-554.

¹¹⁹ Sđđ., 6: SC 522, 546.

trước nhu cầu của người khác và khiến chúng ta nghĩ hạnh phúc mãn nguyện của mình chỉ tùy chính mình mà không cần ai. Trong những trường hợp như vậy, người nghèo có thể trở thành những người thầy thỉnh thoảng giúp ta ý thức sự tự phụ của mình và khơi dậy nơi ta một tinh thần khiêm tốn chính đáng.

109. Dù đúng là người giàu chăm sóc người nghèo thì điều ngược lại cũng không kém phần đúng. Đây là một sự thật kỳ diệu được toàn bộ truyền thống Kitô giáo xác nhận. Đòi người có thể đổi thay thực sự khi nhận ra người nghèo có rất nhiều điều dạy ta về Tin mừng và các đòi hỏi của nó. Bằng chứng tá thăm lặng, họ buộc ta đối diện với tính bất bênh của hiện hữu. Người cao niên chẳng hạn bằng sự mong manh thể lý nhắc ta về sự mong manh của chính mình, ngay khi ta đang cố che giấu nó sau vẻ sung túc bề ngoài. Người nghèo cũng nhắc ta thấy sự hung hăng kiêu ngạo mà ta thường dùng để đương đầu khó khăn đời sống là vô căn cứ. Họ nhắc ta thấy cuộc sống tưởng chừng an toàn chắc chắn của ta kỳ thực mong manh và rỗng tuếch biết bao. Ở đây nữa thánh Grêgôriô Cả vẫn còn nhiều điều nói với ta: “Đừng ai tự cho mình an toàn mà rằng tôi không cướp của ai cả, tôi chỉ dùng những gì chính đáng của riêng tôi. Người phú hộ không bị phạt vì chiếm đoạt của người khác, nhưng vì trong khi sở hữu của cải lớn lao ông đã trở thành kẻ nghèo nàn nội tâm. Đó thực là lý do ông bị kết án hỏa ngục, trong sự sung túc, ông không còn ý thức công lý, của cải mà ông có được, đã khiến ông kiêu ngạo và làm cho ông mất hết lòng xót thương.”¹²⁰

110. Đối với chúng ta là Kitô hữu, vấn đề người nghèo chạm đến chính tâm điểm đức tin. Chọn lựa ưu tiên dành cho người nghèo, nghĩa là tình yêu của Giáo hội dành cho họ, như thánh Gioan Phaolô II dạy: “chính là điều thiết yếu cho Giáo hội và là phần của truyền thống không gián đoạn, thúc

¹²⁰ Sđđ., 3: SC 522, 536.

bách Giáo hội lưu tâm đến một thế giới mà nơi đó nghèo khó đang đe dọa đạt tới kích cỡ khổng lồ bất chấp tiến bộ công nghệ và kinh tế.”¹²¹ Đối với các Kitô hữu, người nghèo không phải là một phạm trù xã hội học, mà là chính “xác thịt” của Chúa Kitô. Chỉ tuyên xưng giáo lý về sự Nhập Thể của Thiên Chúa một cách chung chung thì chưa đủ. Để thực sự bước vào mầu nhiệm cao cả này, chúng ta cần hiểu rõ rằng Chúa đã mặc lấy một xác phàm đói khát, đau yếu và tù đày. “Một Giáo hội nghèo, và vì người nghèo, điều này khởi đi từ việc chạm tới xác thân của Chúa Kitô. Nếu chúng ta chạm tới xác thân của Chúa Kitô, chúng ta bắt đầu hiểu được một điều gì đó, hiểu được sự nghèo khó này, sự nghèo khó của Chúa, thực sự là gì; và điều này không hề dễ dàng.”¹²²

111. Theo bản tính, Giáo hội liên đới với người nghèo, người bị loại trừ, người ở bên lề và hết thảy những ai bị coi là hạng cùng đinh trong xã hội. Người nghèo ở nơi tâm điểm của Giáo hội vì “đức tin của chúng ta nơi Đức Kitô Đấng đã trở nên nghèo và luôn ở gần người nghèo và người bị loại trừ là nền tảng cho mối quan tâm của chúng ta đối với sự phát triển toàn diện của những thành phần bị lãng quên nhất trong xã hội.”¹²³ Trong lòng mình chúng ta gặp “nhu cầu lắng nghe lời khẩn cầu này phát sinh từ tác động giải phóng của ân sủng nơi mỗi người chúng ta, nên đây không phải là sứ mạng dành riêng cho một vài người.”¹²⁴

112. Thịnh thoảng có những phong trào hay nhóm Kitô hữu xuất hiện mà ít hay không quan tâm đến công ích xã hội và đặc biệt đến việc bảo vệ thăng tiến những thành phần mong manh và bị thiệt thòi nhất. Tuy nhiên đừng bao giờ quên rằng tôn giáo nhất là Kitô giáo không thể bị bó hẹp trong lãnh

¹²¹ Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1.5.1991), 57: AAS 83 (1991), 862-863.

¹²² Đức Phanxicô, *Lễ Vọng Lễ Hiện Xuống với các Phong trào Giáo hội* (18.5.2013): *L’Osservatore Romano* ngày 20-21.5.2013, tr. 5.

¹²³ Đức Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), số 186: AAS 105 (2013), 1098.

¹²⁴ *Sđđ.*, số 188: AAS 105 (2013), 1099.

vực riêng tư như thể tín hữu không có gì để nói trước các vấn đề tác động đến xã hội dân sự và các mối bận tâm của các phần tử trong đó.¹²⁵

113. Thật thế “bất cứ cộng đoàn Giáo hội nào nếu nghĩ mình có thể thành thoi đi đường riêng mà không có mối bận tâm sáng tạo và sự cộng tác hiệu quả nhằm giúp người nghèo sống xứng nhân phẩm và vươn tới mọi người thì cộng đoàn ấy cũng sẽ có nguy cơ suy sụp, cho dù họ nói nhiều về các vấn đề xã hội hay chỉ trích chính quyền. Họ sẽ dễ trôi dạt vào một thứ thể tục tinh thần được ngụy trang bằng thực hành đạo đức, những cuộc họp vô bổ và lời nói rỗng.”¹²⁶

114. Vấn đề không chỉ đơn thuần là cung cấp hỗ trợ phúc lợi và nỗ lực đảm bảo công bằng xã hội. Người Kitô hữu cũng nên nhận thức được một hình thức mâu thuẫn khác trong cách họ đối xử với người nghèo. Trên thực tế, “sự phân biệt đối xử tồi tệ nhất mà người nghèo phải chịu đựng là thiếu sự chăm sóc về mặt tinh thần... Lựa chọn ưu tiên của chúng ta dành cho người nghèo chủ yếu phải được chuyển thành một sự chăm sóc tôn giáo đặc quyền và ưu tiên.”¹²⁷ Tuy nhiên, sự lưu tâm thiêng liêng dành cho người nghèo này lại bị đặt thành vấn nạn ngay giữa các Kitô hữu vì các định kiến phát sinh từ việc chúng ta dễ dàng nhắm mắt làm ngơ người nghèo. Có người nói, “nhiệm vụ của chúng ta là cầu nguyện và dạy giáo lý vững vàng.” Nhưng, tách rời khía cạnh tôn giáo này khỏi sự thăng tiến toàn diện, họ nói thêm rằng chỉ có chính phủ mới nên chăm sóc họ, hoặc tốt hơn là để họ sống trong cảnh nghèo đói, thay vào đó là dạy họ làm việc. Đôi khi, những dữ liệu giả khoa học được viện dẫn để củng cố cho tuyên bố rằng một nền kinh tế thị trường tự do sẽ tự động giải quyết vấn đề nghèo đói. Hoặc thậm chí chúng ta nên chọn công tác mục vụ với cái gọi là *giới tinh hoa*, bởi vì, thay vì mất thời giờ cho người nghèo thì tốt hơn

¹²⁵ x. Sđd., số 182-183: AAS 105 (2013), 1096-1097.

¹²⁶ Sđd., số 207: AAS 105 (2013), 1107.

¹²⁷ Sđd., số 200: AAS 105 (2013), 1104.

chăm lo cho người giàu, người có ảnh hưởng và giới chuyên nghiệp để nhờ họ mới có giải pháp thực sự và Giáo hội được chở che. Thật dễ dàng để nhận thấy tính thế tục đằng sau những lập trường này, vốn dẫn chúng ta đến việc nhìn nhận thực tại qua lăng kính hời hợt, thiếu ánh sáng từ trên cao, và vun đắp những mối quan hệ mang lại cho chúng ta sự an toàn và vị thế đặc quyền.

Việc bố thí hôm nay

115. Tôi muốn kết thúc bằng đôi điều về việc bố thí mà ngày nay ngay giữa các tín hữu cũng không được nhìn thiện cảm. Không những hiếm khi thực hành, bố thí đôi khi còn bị coi thường. Tôi xin nói lại rằng cách quan trọng nhất để giúp người thiếu thốn là trợ giúp họ tìm được một công việc tốt để họ sống xứng phẩm giá bằng việc triển nở khả năng và đóng góp phần công bằng của mình. Theo nghĩa này “thiếu việc làm mang nghĩa nhiều hơn là không có nguồn thu nhập ổn định. Việc làm còn là điều khác nữa rất nhiều. Bằng lao động ta trở thành con người trọn vẹn hơn, nhân tính ta nở hoa, người trẻ chỉ trở thành người trưởng thành nhờ lao động. Học thuyết xã hội của Giáo hội luôn nhìn lao động của con người như sự tham dự vào công trình sáng tạo của Thiên Chúa vẫn tiếp diễn mỗi ngày nhờ đôi tay khối óc và con tim của người lao động.”¹²⁸ Mặt khác, khi điều ấy không thể, ta không thể liều bỏ mặc người khác cho số phận thiếu thốn các nhu cầu cho đời sống xứng nhân. Do đó, trong lúc này, bố thí vẫn là một phương thế cần thiết của sự tiếp xúc, gặp gỡ và cảm thông với những ai kém may mắn.

116. Những ai được thúc đẩy bởi lòng bác ái đích thực đều hiểu rất rõ rằng, việc bố thí không miễn trừ trách nhiệm của các nhà chức trách có thẩm quyền, không loại bỏ bốn phận của các cơ quan công quyền trong

¹²⁸ Đức Phanxicô, *Diễn văn tại cuộc họp với đại diện của Thế giới lao động tại Nhà máy Ilva ở Genoa* (27.5.2017); AAS 109 (2017), 613.

việc chăm sóc người nghèo, cũng không làm suy giảm những nỗ lực chính đáng để bảo đảm công lý. Việc bố thí ít nhất cũng cho chúng ta cơ hội dừng lại trước người nghèo, nhìn vào mắt họ, chạm vào họ và chia sẻ một phần nào đó của chính mình. Dù sao đi nữa, việc bố thí cho dù khiêm tốn đến đâu cũng đưa một nét đạo hiếu vào một xã hội vốn bị đánh dấu bởi cơn cuồng chạy theo lợi ích riêng. Theo sách Châm ngôn: “Người tử tế sẽ được chúc phúc, vì đã đem cơm bánh cho người nghèo” (Cn 22,9).

117. Cựu ước và Tân ước đều có những khúc ca ngợi bố thí “hãy rộng lượng với kẻ nghèo hèn, đừng chần chừ khi phải bố thí... Rộng tay bố thí là con chất đầy kho lẫm, và con sẽ thoát mọi nỗi gian nguy” (Hc 29,8.12). Chính Đức Giêsu cũng nói: “Hãy bán tài sản của mình đi mà bố thí. Hãy sắm lấy những túi tiền không hề cũ rách, một kho tàng không thể hao hụt ở trên trời, nơi kẻ trộm không bén mảng, mối mọt không đục phá” (Lc 12,33).

118. Thánh Gioan Kim Khẩu nổi tiếng với câu: “Việc bố thí là đôi cánh của lời cầu nguyện. Vì vậy, nếu bạn không chấp cánh cho lời cầu nguyện của mình, thì nó sẽ khó mà bay lên.”¹²⁹ Cùng cung giọng ấy, thánh Grêgôriô Nadien kết một bài diễn văn lừng danh: “Nếu anh em nghĩ rằng tôi có điều gì để nói hồi các tội tớ của Chúa Kitô anh em của Người và là đồng thừa tự với Người, chúng ta hãy viếng thăm Chúa Kitô bất cứ khi nào có thể, hãy chăm sóc Người, nuôi dưỡng Người, mặc cho Người, đón tiếp Người, tôn kính Người, không chỉ là trong bữa ăn như một số người đã làm, hay bằng việc xúc dầu như Maria đã làm, hay chỉ bằng cách cho Người mượn ngôi mộ như Giuse Arimathia, hoặc giúp việc mai táng như Nicôđêmô kẻ đã yêu mến Chúa Kitô, một cách nửa vờ, hay dâng vàng nhũ hương và mộc dược như các đạo sĩ trước tất cả những người kia. Chúa của hết thảy đòi lòng xót thương chứ không phải hy lễ... Vậy chúng ta hãy tỏ lòng xót thương đối với Người nơi những người nghèo và những ai hôm nay còn

¹²⁹ Thánh Gioan Kim Khẩu, *Homilia de Jejunio et Eleemosyna*: PG 48, 1060.

nằm trên mặt đất để khi rời bỏ thế giới này họ sẽ đón chúng ta vào nơi cư ngụ muôn đời.”¹³⁰

119. Tình yêu và các xác tín sâu xa của chúng ta cần được bồi dưỡng liên lỉ và chúng ta làm điều đó qua những hành vi cụ thể. Lưu lại mãi trong phạm vi ý tưởng và lý thuyết mà không đặt chúng vào những hành vi bác ái thường xuyên và thiết thực rồi cuộc sẽ làm cả những hy vọng và khát vọng quý nhất của chúng ta suy yếu và phai nhạt. Là Kitô hữu, chúng ta đừng từ bỏ việc bố thí. Một cử chỉ có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau và chúng ta có thể cố gắng thực hiện theo cách hiệu quả nhất có thể, nhưng chúng ta phải làm điều đó. Và làm một việc gì đó thì luôn tốt hơn là không làm gì cả. Dù thế nào đi nữa, việc bố thí sẽ chạm đến trái tim chúng ta. Đó sẽ không phải là giải pháp cho tình trạng nghèo đói trên thế giới, vốn phải được tìm kiếm bằng trí tuệ, sự đấu tranh và sự dấn thân xã hội. Nhưng chúng ta cần thực hành bố thí để chạm đến thân xác đang đau khổ của người nghèo.

120. Tình yêu Kitô giáo phá đổ mọi bức tường, kéo lại gần những người xa cách, liên kết người xa lạ và hòa giải kẻ thù. Nó bắc cầu vượt qua những hố sâu mà về phương diện nhân loại tưởng như không thể và thâm nhập vào tận những góc ngách ẩn kín nhất của xã hội. Bởi bản tính, tình yêu Kitô giáo mang tính ngôn sứ, làm nên những phép lạ và không biết giới hạn. Nó làm cho điều tưởng chừng không thể trở thành hiện thực. Tình yêu trước hết là một lối nhìn đời và một cung cách sống. Một Giáo hội không đặt ranh giới cho tình yêu, không biết ai là kẻ thù để chiến đấu nhưng chỉ có người nam và người nữ để yêu thương, đó là Giáo hội mà thế giới hôm nay đang cần.

121. Nhờ công việc của anh chị em, nhờ nỗ lực thay đổi các cơ cấu xã hội bất công, hay nhờ một cử chỉ gần gũi nâng đỡ đơn sơ mà chân thành,

¹³⁰ Thánh Grêgôriô Nadian, *Oratio XIV*, 40: PG 35, Paris 1886, 910.

người nghèo sẽ nhận ra rằng lời của Đức Giêsu được ngỏ cách cá vị với từng người trong họ: “Ta đã yêu mến người” (Kh 3,9).

*Ban hành tại Rôma, cạnh Đền thờ thánh Phêrô, ngày 4 tháng 10 năm 2025,
mừng lễ kính Thánh Phanxicô Assisi, năm thứ nhất triều Giáo hoàng của tôi.*

GIÁO HOÀNG LÊO XIV
